

• 57 thanh ngữ Trung Hoa thương gap •

57 thanh ngữ Trung Hoa thương gap

57 thanh ngữ Trung
Hoa thương gap

• 57 thanh ngữ Trung Hoa thương gap •

57 THÀNH NGỮ TRUNG HOA THƯỜNG GẶP

*Nguồn: Yeuchip sưu tầm và chuyển
sang ebook để tặng riêng cho Thu Viện –
Ebook:*

<http://www.thuvien-ebook.com>

MỤC LỤC

Bình dị cận nhân.

Bình thủy tương phù.

Cảm nhục hàn thiên.

Cử kỳ bất định.

Cùng binh độc vũ.

Cường nỗ chi mạt

Đắc tâm ứng thủ.

Giá họa vu nhân.

Giang lang tài tận.

Kê minh câu đạo.

Khánh trúc nan thư..

Khâu mật phúc kiêm...

Khéo thủ hào đoạt

Khoảng nhật tri cửu.

Khởi tử hồi sinh.

Không trung lâu các.

Khuynh thành khuynh quốc.

Kiểm tỉnh tắc minh.

Kiệt trạch nhi ngư..

Kim ngọc kỳ ngoại, bại tự kỳ trung.

Kỷ nhân lý hạ.

Kỳ hóa khả cư..

Kỷ nhân ưu thiên.

Kỷ hồ nan hạ.

Lãng tử dã tâm...

Lao khổ công cao.

Lao nhi vô công.

Lão mã thức đồ.

Lão sinh thường đàm...

Lực bất tòng tâm..

Lục lực đồng tâm..

Lưỡng bại câu thương.

Lưu ngôn phi ngữ..

Mãn thành phong vũ.

Mao Toại tự tiên.

Mê đồ tri phản.

Minh châu ám đầu.

Như ngư đắc thủy.

Phá kính trùng viên.

Phá phủ trâm châu.

Phao chuyên dẫn ngọc.

Phi kinh trảm cửu.

Phụ kinh thỉnh tội

Quyền thổ trùng lai

Tần Tần chi hảo.

Thân thống thù khoái

Thất phu chi dũng.

Thanh vân trực thượng.

Thiên quân nhất phát

Thiên tái nan phùng.

Thỉnh quân nhập ung.

Tiền công tận khí

Tiền sự bất vong, hậu sự chi sư..

Tiền vô cổ nhân.

Tinh bì lực tận.

Xảo đoạt thiên công.

Xuất nhân đầu địa.

Bình dị cận nhân

Ý của câu thành ngữ này vốn chỉ chính sách hòa dịu dễ thi hành.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Lỗ Chu Công thế gia”.

Chu Công em trai của Chu Vũ Vương, là người từng phò tá Chu Vũ Vương đánh đổ triều nhà Thương, có công lớn trong

việc thành lập vương triều Tây Chu. Về sau, ông được Chu Vũ Vương phong làm Lỗ Công, trao quyền cai quản Khúc Phụ, nhưng ông không đi sang Khúc Phụ, mà vẫn ở lại kinh đô tiếp tục phò tá Chu Vũ Vương, chỉ sai người con cả của mình là Bá Cầm tiếp nhận phong hiệu Lỗ Công sang cai quản Khúc Phụ.

Sau khi đến Khúc Phụ được ba năm, Bá Cầm mới báo cáo với Chu Vũ Vương về tình hình thi hành chính sách ở địa phương. Chu Vũ Công rất không vừa ý trước việc này bèn hỏi: “Tại sao ông lại báo cáo muộn đến như vậy?”. Bá Cầm trả lời rằng: “Muốn thay đổi phong tục tập quán và đổi mới lễ pháp ở địa phương, thì phải mất tới ba năm mới thấy được hiệu quả của nó, cho nên tôi mới báo cáo muộn như vậy”.

Trước đó có Khương Thượng là người từng phò tá Văn Vương và Vũ Vương, được Chu Vũ Vương phong ở Tề Địa, ông ta chỉ trong thời gian 5 tháng là đã báo cáo với Chu Vũ Vương về tình hình thi hành chính sách ở địa phương. Lúc đó, thấy ông trở về nhanh chóng, Chu Công rất ngạc nhiên mới hỏi ông làm sao lại có thể báo cáo nhanh đến như vậy. Khương Thượng trả lời rằng: “Vì tôi đã đơn giản hóa nghi lễ vua tôi ở đó, mọi việc đều làm theo tập tục địa phương, nên mới nhanh như vậy”.

Do đó, Chu Công sau khi nghe xong báo cáo của Bá Cầm liền than rằng: “Ôi, đời con cháu của nước Lỗ sắp trở thành thân dân của nước Tề rồi, chính sách mà không đơn giản và dễ thi hành, thì dân chúng tất sẽ không găn gũi nó. Nếu chính sách hòa dịu và dễ thi hành thì dân chúng

nhất định sẽ quy phục nó”.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để chỉ người có thái độ khiêm tốn hòa nhã, dễ gần gũi.

Bình thủy tương phùng

Chữ “Bình” ở đây tức là bèo. Ý của câu thành ngữ này là chỉ bèo trôi dạt trên mặt nước ngẫu nhiên dồn lại với nhau.

Câu thành ngữ này xuất xứ từ “Vương Tử An tập – Đăng Vương Các tự”.

Vương Bột, tự Tử An là một nhà văn nổi tiếng thời đầu nhà Đường. Ông lúc 6 tuổi đã biết viết văn chương, 14 tuổi biết làm thơ phú, 15 tuổi thi đỗ cử nhân.

Năm 676 công nguyên, Vương Bột đi thăm cha làm huyện lệnh ở Giao Chỉ. Khi đi qua Hồng Đô thì đúng vào lúc Đô đốc Diêm Bá Ngự vừa cho trùng tu xong Đăng

Vương Các, nên quyết định ngày mùng 9 tháng 9 tết Trùng dương đặt tiệc mời các văn nhân mặc khách và bè bạn. Con rể của ông là Ngô Tử Chương là một người có tài ba về thơ phú, Diêm Bá Ngư bảo con rể viết sẵn một bài tự văn đề chuẩn bị khoe với khách dự tiệc. Vương Bột lúc đó là một văn nhân có tiếng tăm nên cũng được mời tới dự tiệc.

Tại bữa tiệc, Diêm Bá Ngư làm ra vẻ huyền bí mời khách đề tự cho Đằng Vương Các. Mọi người chưa có chuẩn bị nên đều lựa lời từ chối, duy chỉ có Vương Bột cầm bút ngoáy luôn một bài tự nổi tiếng, đó là “Đằng Vương Các tự”. Đám khách khứa xem xong đều tấm tắc khen ngợi, Diêm Bá Ngư cũng vô cùng thán phục và không dám đem bài văn của Ngô Tử Chương đã viết sẵn ra nữa.

“Đăng Vương Các tự” có câu tứ kỳ diệu, văn phong khoáng đạt. Bài văn trong khi miêu tả về quang cảnh tiệc tùng linh đình, cũng đã đề lộ phần nào lời than thở cảnh ngộ long đong, lật đật sống không gặp thời của Vương Bột: “Quan san nan việt, thủy bi thất lộ chi nhân? Bình thủy tương phùng, tận thị tha hương chi khách”. Ý nói là: Quan san muôn dặm khó leo vượt, ai thương cho kẻ nhớ độ đường, gặp nhau như bèo tụ trên nước, mới hay đều là khách tha hương.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví với người lạ ngẫu nhiên gặp nhau.

Cầm nhuợc hàn thiên

Chữ “Cầm” ở đây là chỉ ngậm miệng không nói; Còn “Hàn thiên” là chỉ con ve

sâu trong trời rét.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Hậu Hán thư – Truyện Đỗ Mật”.

Thời Đông Hán có một viên quan thanh liêm và tài ba tên là Đỗ Mật, ông từng đảm nhiệm chức Thái thú quận và Thượng thư lệnh. Ông chấp pháp nghiêm minh, căm ghét tội ác, từng đấu tranh với lũ hoạn quan, đối với những hoạn quan hay con nhà quyền quý phạm tội là ông cương quyết điều tra xử lý, không hề dung tha. Nhưng ông lại rất quý mến người có tài và luôn tìm cách giúp họ làm nên sự nghiệp.

Một hôm, khi thị sát ở huyện Cao Mật, ông thấy có một viên quan làng tên là Trịnh Huyền rất có học thức, bèn đề bạt ông ta lên nhậm chức ở trên quận. Ít lâu sau, ông lại cử Trịnh Huyền đi chuyên tu ở Thái Học. Còn Trịnh Huyền quả không phụ

lòng ông, sau đó trở thành nhà Kinh Học rất nổi tiếng thời Đông Hán.

Về sau, Đỗ Mật từ quan về quê, những vẫn rất quan tâm tới tình hình chính sự, ông thường bàn luận với các quan chức địa phương về công việc nhà nước, tiến cử hiền sĩ và vạch trần người xấu việc xấu.

Bảy giờ, bạn của Đỗ Mật là Lưu Thắng cũng cáo lão về quê. Ông ta sùng tín triết học xử thế trong sạch vẹn thân, hàng ngày kín cổng cao tường, không bàn luận chính sự, ai tốt xấu mặc ai. Có người cho rằng, ông ta làm như vậy là một sự biểu hiện cao thượng.

Một hôm, Thái thú Vương Dục khen ngợi Lưu Thắng là một sĩ tử cao thượng. Nhưng Đỗ Mật không tán thành với nhận xét này. Ông nói: “Lưu Thắng địa vị cao, được đối đãi vào hạng thượng khách.

Nhưng ông ta biết có người tài mà không tiến cử, nghe tin có người làm việc xấu, mà không dám nói một câu, thì có khác gì con ve sâu trong ngày trời lạnh không biết kêu, ông ta thực ra là một kẻ có tội”.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ “Cấm nhược hàn thiên” để chỉ những người sống yên phận im hơi lặng tiếng.

Cử kỳ bất định

Ý của câu thành ngữ này là chỉ: Tay giơ quân cờ lên, nhưng không biết chạy nước nào.

Thời Xuân Thu, Vệ Hiến Công vua nước Vệ rất kiêu căng tàn bạo. Về sau, đại phu nước Vệ là Tôn Văn Tử và Ninh Huệ Tử làm đảo chính quân sự bị truất mất ngôi vua. Vệ Hiến Công đành phải đưa mẹ

và em trai trốn sang nước Tề sông cuộc đời lưu vong.

Bảy giờ, Tôn Văn Tử và Ninh Huệ Tử cùng nắm việc triều chính, rồi lập Công Tôn Phiêu lên làm vua tức Vệ Thương Công. Ninh Huệ Tử trước lúc qua đời, đã nhận rõ mình làm việc trục xuất vua là một điều nhục nhã, mới dặn con là Ninh Diệu Tử hãy tìm cách đón Vệ Hiến Công trở về nước Vệ.

Ít lâu sau, Vệ Hiến Công cũng sai người đến liên hệ với Ninh Diệu Tử, mong ông giúp mình phục quốc và hứa rằng: Sau khi giành được đất nước, mình sẽ chỉ phụ trách việc tôn miếu và cúng tế, không can dự tới việc triều chính. Nhưng bảy giờ có rất nhiều người phản đối Vệ Hiến Công trở lại làm vua. Đại phu Hữu Tề Học cho rằng, tính khí thô bạo của Vệ Hiến Công

đền nay vẫn chưa sửa đôi. Còn đại phu Thúc Nghi nhắc nhở Ninh Diệu Tử rằng: “Làm việc gì cũng phải trước sau như một, dòng họ Ninh nhà anh đã trục xuất nhà vua, nay lại muốn đón vua trở về, đây chẳng khác gì chơi cờ cả. Kỳ thủ đã giơ quân cờ lên mà chẳng biết đi nước nào, thì tất bị thua cuộc. Hơn nữa, đây là việc lớn phê lập vua, nếu không cẩn thận thì bị vạ lây cả họ”.

Nhưng Ninh Diệu Tử vẫn lấy cớ làm theo di mệnh của cha, không nghe theo lời khuyên giải này, muốn vơ hết mọi quyền bính về tay mình. Về sau ông đã diệt trừ dòng họ Tôn, giết chết Vệ Thương Công, rồi đón Vệ Hiến Công từ nước Tề về nước. Nhưng cuối cùng thì bản thân Ninh Diệu Tử cũng bị Vệ Hiến Công hạ sát, để báo thù cho việc mình bị họ Ninh trục xuất

sang nước Tề.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ: “Cử kỳ bất định” để ví với hiện tượng làm việc do dự, không quả quyết.

Cùng binh độc vũ

Chữ “Cùng” ở đây là chỉ hết sạch. Còn chữ “Độc” thì chỉ hành vi mạnh động thiếu suy nghĩ. Ý của câu thành ngữ này có nghĩa là lạm dụng vũ lực.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Tam quốc chí - Ngô thư - Truyện Lục Kháng”.

Lục Kháng là một danh tướng của Đông Ngô thời Tam Quốc, năm 20 tuổi được phong làm Kiến võ hiệu úy, thống lĩnh năm nghìn quân mã. Sau khi Tôn Hạo làm vua nước Đông Ngô, Lục Kháng lại được phong làm Trấn quân đại tướng

quân. Bây giờ triều đình Đông Ngô vô cùng mục nát. Tôn Hạo là một tên bạo chúa hoang dâm vô độ, lạm dụng mọi cực hình giết hại vô số người. Lục Kháng đã nhiều lần dâng thư khuyên Tôn Hạo phải cải thiện chính trị, tăng cường quốc phòng để củng cố nhà nước, nhưng Tôn Hạo không chịu nghe theo.

Năm 272 công nguyên, Lục Kháng thừa lệnh đi thảo phạt phản tướng Bộ Xiển, đối chọi với quân đội nước Tấn ở dọc đường biên giới Ngô Tấn. Lục Kháng và đại tướng nước Tấn là Dương Hựu cùng cử sứ giả qua lại với nhau nhằm bày tỏ lòng hữu hảo. Tôn Hạo biết được tin này vô cùng tức giận, liền sai người đến thúc Lục Kháng tại sao không xuất binh tiến công nước Tấn.

Lục Kháng dâng biểu tâu lên Tôn Hạo

rằng: “Hiện nay triều đình không áp dụng đường lối dân giàu nước mạnh, phát triển sản xuất nông nghiệp, chinh đồn chinh trị, nâng đỡ chúng dân, ngược lại cứ dung túng các tướng lĩnh đeo đuổi đường công danh, róc hết binh lực vào việc chiến tranh liên miên, gây hao phí biết bao nhân tài vật lực, nay binh sĩ đã vô cùng mỏi mệt, mà lực lượng của kẻ thù lại không mấy may bị hao tổn, còn chúng ta thì chẳng khác nào đang bị một trận ốm nặng”. Cuối cùng, Lục Kháng còn cân nhắc về sự chênh lệch quân đội giữa hai nước Ngô Tấn, cho rằng hiện nay nên đình chỉ việc trận mạc, tăng cường thực lực nhà nước.

Tôn Hạo không nghe theo lời khuyên của Lục Kháng, nên cuối cùng nước Đông Ngô bị diệt vong.

Cường nỏ chi mạt

Ý của câu thành ngữ này là chỉ khi cung nỏ bắn ra, mũi tên bay tới đoạt cuối không còn sức đẩy nữa bị rơi xuống.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Hàn Trường Nho liệt truyện”.

Hàn An Quốc nguyên là Trung đại phu của Lương vương Lưu Vũ thời Tây Hán, có công lớn trong việc bình định cuộc nổi loạn của bảy nước Ngô Sở. Nhưng về sau vì phạm pháp, ông bị cách chức về nhà sống cuộc đời ẩn cư.

Sau khi Hán Võ Đế lên làm vua, Hàn An Quốc bèn dứt lốt Thái úy Điện Phận, được cử giữ chức Đô úy ở Bắc Địa, ít lâu sau lại được thăng làm Tư Mã Nông. Một thời gian sau, Hàn An Quốc lại giúp Hán Võ Đế bình định được chiến loạn, và được vua thăng làm Ngự sử đại phu.

Bây giờ, nhà Hán và Hung Nô có mâu thuẫn với nhau, hai bên lúc đánh lúc hòa. Một hôm, Hung Nô đột nhiên cử sứ giả đến cầu hòa. Hán Võ Đế rất khó quyết đoán, bèn triệu tập các đại thần lại hỏi ý kiến. Đại thần Vương Khôi phản đối nghị hòa, chủ trương dùng vũ lực đối với Hung Nô. Còn Hàn An Quốc bày tỏ phản đối và nói: “Hung Nô hiện binh lực hùng hậu và xuất quỷ nhập thần, chúng ta từ xa xôi đến chinh phục Hung Nô, rất có khả năng bị thất bại. Đây chẳng khác nào một mũi tên đã bay tới đoạn cuối, ngay đến vải lụa mỏng cũng bắn không thủng. Luồng gió mạnh thổi đến đoạn cuối thì ngay đến chiếc lông vũ nhẹ cũng thổi không bay. Hiện nay dụng binh đối với Hung Nô thì quả thực là việc làm không sáng suốt. Theo ý tôi thì nghị hòa là tốt hơn”. Bây giờ, mọi người tới tập

bày tỏ tán thành, Hán Võ Đế cuối cùng đã làm theo ý của Hàn An Quốc.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví về sức mạnh to lớn đã đến lúc suy kiệt, không còn tác dụng gì nữa.

Đắc tâm ứng thủ

Ý của câu thành ngữ “Đắc tâm ứng thủ” là chỉ làm việc rất tiện tay, nghĩ sao được vậy. Miêu tả làm việc rất thuận thực, trôi chảy.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Trang Tử Thiên đạo”.

Truyện xảy ra tại nước Tề thời xuân thu chiến quốc. Một hôm, Tề Hằng Công đang ngồi đọc sách ở trong nhà, tiếng đọc sách của ông không ngừng vang ra ngoài nhà. Bảy giờ ở ngoài hiên có một anh thợ

một tên là Luân Biên đang ngồi đờo bánh xe gỗ. Luân Biên là một người lém lỏm, cứ nghe mãi tiếng đọc sách thì cảm thấy nhàm chán, khó chịu, mới ngừng tay vào nhà hỏi Tề Hằng Công: “Thưa ông, xin hỏi ông đang đọc sách gì vậy?”.

Tề Hằng Công thấy cử chỉ đường đột, vô lễ của Luân Biên thì trong lòng không được vui lắm đáp: “Tôi đang đọc sách của thánh nhân”.

Luân Biên lại hỏi: “Thế thánh nhân hiện còn sống không?”

Tề Hằng Công đáp: “Thánh nhân chết từ lâu rồi”.

Luân Biên nghe vậy bèn nói một cách không úp mở rằng: “Ồ, ra thánh nhân đã chết từ lâu rồi, vậy thì sách mà ông đang đọc đây chắc chắn là cặn bã của cô nhân dê lại”.

Tê Hăng Công nghe vậy bèn tức giận nói: “Tôi đang đọc sách ở đây, anh là một tay thợ mộc quen thì biết cái quái gì mà cũng chõ mõm vào, anh lại còn dám nói sách của cổ nhân để lại là những thứ cặn bã. Hôm nay, anh mà không nói rõ ngọn ngành thì tôi sẽ giết chết anh”.

Luân Biễn than nhiên đáp: “Xin ông bớt giận. Tôi chẳng qua chỉ dựa theo kinh nghiệm làm bánh xe của mình mới nói vài lời vậy thôi. Thí dụ như tôi đang dùng rìu đểo mộng chẳng hạn, nếu đểo nhỏ rồi, khi đập vào lỗ mộng thì mộng bắm không khít, như vậy không thể chắc chắn được. Còn như đểo mộng quá to thì lại không thể lắp vào lỗ mộng được. Chỉ có đểo mộng vừa vặn, không to cũng không nhỏ thì khi lắp vào lỗ mộng thì mới khít chặt, bánh xe mới chắc chắn và không bị sộc xệch. Kỹ thuật

này thật thuần thực, trôi chảy, hơn nữa lại có thể dùng lời nói để lột tả được. Còn như những thứ độc đáo và tuyệt diệu trong học vấn của cổ nhân thì làm sao lại có thể nói rõ được, vậy thì những thứ mà ông đang đọc đây không phải là căn bản của cổ nhân là gì?”

Tề Hằng Công nghe xong, cảm thấy Luân Biển nói cũng phải, nên không bắt tội anh ta nữa.

Hiện nay, người ta vẫn dùng câu thành ngữ “Đắc tâm ứng thủ” để mô tả về làm việc rất trôi chảy, thành thạo.

Giá họa vu nhân

Ý của câu thành ngữ này là gieo vạ cho kẻ khác.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Triệu thế gia”.

Thời Xuân thu chiến quốc, tướng quân nước Hàn là Phùng Đình đang trấn giữ ở Thượng Đảng đã sai sứ giả đến nói với vua nước Triệu là Hiếu Thành Vương rằng: “Chúng tôi không thể nào trấn giữ được Thượng Đảng, nó sẽ nhanh chóng trở thành đất đai của nước Tần. Nhưng các quan lại và dân chúng Thượng Đảng đều chỉ muốn quy thuận nước Triệu, chứ không muốn lệ thuộc nước Tần. Vậy mong đại vương hãy nhanh chóng tiếp quản 17 ngôi thành trì ở Thượng Đảng”.

Hiếu Thành Vương nghe vậy mừng lắm, bèn lập tức triệu gặp Bình dương quân Triệu Báo, hỏi ông có ý kiến gì về việc này. Triệu Báo trả lời rằng: “Thánh nhân đều coi mỗi lợi không đâu là một tai họa tày trời”. Hiếu Thành vương nghe vậy bèn hỏi lại: “Người ta đã bị cảm hóa bởi

ân đức của ta, làm sao lại có thể nói là một mối lợi vô duyên vô cớ?”

Triệu Báo đáp rằng: “Nước Tần luôn luôn thôn tính đất đai của nước Hàn, và tin rằng thế nào cũng sẽ nhanh chóng chiếm được Trọng Đẳng. Nay sở dĩ nước Hàn không muốn giao Trọng Đẳng cho nước Tần, mà lại dâng cho nước Triệu, là vì họ muốn gieo vạ cho nước Triệu ta. Bởi lẽ nước Tần đã từng bỏ ra rất nhiều công sức, mà vẫn chưa chiếm được Trọng Đẳng. Đẳng này thì nước Triệu ta lại được không, thì làm sao lại không thể nói là vô cớ bắt được của? Đại vương chớ nên chấp nhận”.

Hiếu Thành Vương nghe xong tức giận nói: “Nếu hiện nay ta cử hàng triệu quân tiến đánh, thì dù nửa năm hay một năm cũng chưa chắc đã chiếm được một ngôi

thành tri. Nay người ta đã hai tay dâng 17 thành tri cho ta, đây quả là của trời cho”. Sau đó, Hiếu Thành Vương đồng ý nhận đất Thượng Đảng, do đó dẫn đến cuộc đại chiến giữa hai nước Tần Triệu.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ: “Giá họa vu nhân” để ví về việc gieo tai họa cho người khác.

Giang lang tài tận

Ý của câu thành ngữ này là chỉ tài văn chương của chàng Giang không còn nữa.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Nam sử - Truyện Giang Yêm”.

“Giang lang” là chỉ Giang Yêm, tự Văn Thông, một nhà văn thời Nam Triều TQ, ông là người Khảo Thành triều nhà Lương. Hồi còn nhỏ, gia đình ông nghèo xơ nghèo xác, ngay đến tiền mua giấy bút

cũng không có. Nhưng ông lại rất chăm chỉ học hành, sau đó trở thành một người rất có tài năng, không những làm đến chức quan Quang Lộc đại phu, mà còn trở thành nhà văn rất nổi tiếng. Những người thời bấy giờ có sự đánh giá rất cao đối với thơ và văn chương của ông.

Thế nhưng, do tuổi tác ngày một cao, tài viết lách của ông cũng dần dần suy thoái. Trước kia, khi ông viết gì thì nếp nghĩ cũng ào ạt như sóng cuộn triều dâng, bút pháp như có thần khí và có những câu cú hết sức tuyệt vời. Nhưng hiện nay thơ ông viết ra thật là nhạt nhẽo, vô vị. Mỗi khi ông cầm bút lên là vòng vo suy nghĩ đến nửa ngày, mà cũng chẳng viết được một chữ nào. Thảng hoặc, đôi khi có linh cảm cũng viết ra được một hai câu nhưng lời lẽ cũng rất khô khan, nội dung cứng

nhắc, chẳng câu nào ra hồn cả.

Người ta truyền rằng, có một lần Giang Yên đến neo thuyền bên bờ sông chùa Thuyền Linh, đêm nằm mơ thấy một người tự xưng là Trương Cảnh Dương đến xin ông một tấm lụa, ông liền rút mấy thước lụa ở trên mình đưa cho ông ta. Nên từ đó, văn chương của ông không còn tuyệt vời như trước nữa.

Cũng có truyện kể rằng: Một hôm, Giang Yên đang ngủ trưa ở ngôi đình hóng mát, thì nằm mơ thấy một người tự xưng là Quách Phát đến xin ông một cây bút, và còn nói là ông mượn cây bút này của ông ta đã quá lâu rồi. Giang Yên bèn đem một cây bút năm màu trả lại cho ông ta, nên từ đó hứng cảm sáng tác thơ văn của Giang Yên đã vơi cạn, không còn viết được bài nào hay như trước nữa.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ: “Giang lang tài tặn” để ví với hứng cảm sáng tác văn thơ đã thoái giảm.

Kê minh cầu đạo

Ý của câu thành ngữ này là bắt chước tiếng gà gáy, rồi giả làm chó vào ăn trộm.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ: “Sử ký - Truyện Mạnh Thường Quân”.

Theo lời mời của Tân Chiêu Vương, Mạnh Thường Quân người nước Tề đã cùng mấy môn khách lên đường sang thăm nước Tần, đồng thời còn đem theo một chiếc áo lông chồn trắng rất quý hiếm làm quà biếu vua Tần.

Về sau, vua Tần cảm thấy Mạnh Thường Quân là một quý tộc nước Tề, không thể trọng dụng, nhưng lại cảm thấy

ông ta thật quá am hiểu về tình hình nước Tần, nên không muốn để ông về nước, bèn giam lỏng ông ở nước Tần.

Người em trai của vua Tần là Kinh Tương Quân mới đem chuyện này mách với Mạnh Thường Quân, và dẫn ông đến tìm Yên phi - người được vua Tần cưng chiều nhất nói giúp. Nhưng không ngờ, Yên phi đã đưa ra điều kiện nan giải là phải tặng cho nàng chiếc áo lông chồn trắng quý giá đó, thì nàng mới xin với vua Tần.

Mạnh Thường Quân sốt ruột không biết xử trí ra sao, mới bàn với mấy người bạn cùng đi theo. Về sau, có một người ngồi ở cuối hàng nói: “Tôi sẽ lẻn vào trong cung ăn trộm chiếc áo lông chồn trắng, mà chúng ta đã tặng cho vua Tần”.

Mạnh Thường Quân nghe vậy vội hỏi lại: “Anh sẽ trộm bằng cách nào?”

Người đó đáp: “Tôi sẽ giả làm con chó lén vào ăn trộm”.

Quả nhiên, người này đã không phụ lòng mong muốn của mọi người, ngay đêm đó quả nhiên lấy được chiếc áo lông chồn đem tặng cho Yên phi. Trước lời cầu xin của nàng, vua Tần bèn đồng ý tha cho Mạnh Thường Quân.

Mạnh Thường Quân sợ vua Tần nuốt lời, bèn lập tức rời khỏi nước Tần. Nhưng khi đến Hàm Cốc Quan thì gà còn chưa gáy sáng, nên cửa thành chưa mở. Giữa lúc này, có một môn khách bắt chước tiếng gà gáy, lập tức gà ở xung quanh cũng vỗ cánh theo. Cửa thành liền mở ra, cả đám người chạy thoát ra ngoài thành.

Vua Tần quả nhiên hối lại, nhưng bấy giờ đã muộn.

Hiện nay, Người ta vẫn thường dùng

câu thành ngữ “Kê minh câu đạo” đề vi
với kỹ năng hoặc hành vi thấp hèn.

Khánh trúc nan thư

Chữ “Khánh” ở đây có nghĩa là hết, sách. Còn chữ “Trúc” là chỉ thẻ tre trúc dùng để viết chữ trong thời cổ. Câu thành ngữ này có nghĩa là dù chặt sạch hết tre để làm thẻ tre thì cũng không thể nào viết hết. Nó dùng để ví về tội ác quá nhiều hoặc căn bệnh phổ biến của xã hội, không thể nào miêu tả hết được.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Cựu Đường Thư – Truyện Lý Mật”.

Vào những năm cuối triều nhà Tùy, Tùy Thang Đế Dương Quảng ngang ngược tàn bạo và hoang dâm vô độ, ông bỏ nhiều tiền của vào việc xây dựng cung điện, lại liên tiếp phát động chiến tranh với các nước,

nhân dân phải gánh vác quá nặng nề, không thể nào chịu đựng được nữa đã tới tập đứng lên khởi nghĩa. Quân Ngõa Cương do Trác Nhượng lãnh đạo là một đạo quân nổi tiếng nhất trong nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân. Họ anh dũng thiện chiến, gan dạ mưu trí, đội ngũ đã nhanh chóng phát triển đến hơn 10 vạn người. Sau khi Việt Quốc Công-Dương Huyền đem quân sang đánh nhà Tùy bị thất bại, thủ hạ của ông là Lý Mật trốn sang nương nhờ quân Ngõa Cương, với tài trí thông minh của mình, Lý Mật đã nhanh chóng chiếm được lòng tin của Trác Nhượng, và cuối cùng giành được quyền lãnh đạo quân Ngõa Cương.

Sau khi lên nắm quyền, Lý Mật đã ban bố một đạo hịch thảo phạt Tùy Thang Vương, mong qua đó để liên hợp các đạo nghĩa quân, thu hút các quan văn võ của

triều nhà Tùy. Bài hịch sau khi vạch tội Tùy Thang Vương, cuối cùng viết: “Dù có chặt hết tre ở Nam sơn để làm thẻ tre, thì cũng không thể nào viết hết mọi tội lỗi của Dương Quảng, dù róc cạn biêm Đông cũng không thể nào rửa hết tội ác của hắn”. Bài hịch kêu gọi các nơi vùng lên khởi nghĩa, lật đổ ách thống trị tàn bạo của nhà Tùy, đã gây ảnh hưởng rất lớn lúc bấy giờ, các nơi hưởng ứng đã tới tập đứng lên khởi nghĩa chống lại triều nhà Tùy.

Đại nghiệp năm thứ 14, Tùy Thang Vương bị tướng lĩnh cấm quân Vũ Văn Hóa Cập giết chết tại Giang Đô, cuối cùng ách thống trị của triều nhà Tùy bị lật đổ.

Khẩu mật phúc kiếm

Chữ “Khẩu mật” là chỉ mồm miệng ngọt như mật. Còn chữ “Phúc kiếm” là chỉ

bụng dạ đầy dao kiếm.

Ý của câu thành ngữ này chỉ, người bề ngoài miệng nói rất hay, nhưng bên trong thì rất hiểm độc.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ: “Tư trị thông giám- Đường kỷ - Huyền Tông thiên bảo nguyên niên”.

Lý Lâm Phô là Binh bộ thượng thư kiêm Trung thư lang thời Đường Huyền Tông, ông là người có kiến thức uyên bác, rất có tài về mặt thư họa, nhưng ông cũng là người phẩm hạnh rất kém, lòng dạ rất hẹp hòi và đố kỵ. Phàm những người có tài năng và danh vọng quyền quý hơn ông, là ông sẽ trăm phương nghìn kế và không từ mọi thủ đoạn để bôi nhọ, bài xích. Nhưng riêng đối với vua Đường Huyền Tông thì ông lại khúm núm, nịnh hót, hết lòng chiều theo ý của nhà vua. Mặt khác, ông cũng

trăm phương nghìn kẻ lấy lòng quý phi
sủng ái và thái giám tâm phúc của nhà vua,
khiên họ vui vẻ và ủng hộ mình, củng cố
thêm địa vị của mình.

Lý Lâm Phổ trong khi tiếp xúc với mọi người, ông đều luôn luôn tỏ ra rất hòa nhã và đáng mến, lời lẽ rất hay, nhưng trong lòng lại tìm cách hại người. Có một lần, ông giả vờ thành khẩn nói với bạn đồng liêu của mình là Lý Thức Chi rằng: “Hoa Sơn là nơi sản xuất khá nhiều vàng, nếu được khai thác thì nhà nước sẽ nhanh chóng trở nên giàu mạnh, nhưng đáng tiếc là nhà vua còn chưa biết việc này”. Lý Thức Chi cho là thật mới đến tâu với vua Huyền Tông nên nhanh chóng khai thác. Vua nghe vậy trong lòng mừng lắm, mới gọi Lý Lâm Phổ đến bàn về việc này, Lý Lâm Phổ tâu rằng: “Thần đã biết về việc

này. Nhưng vì Hoa Sơn là nơi phong thủy bảo địa của vua chúa các triều đại, ta làm sao lại có thể tùy tiện khai thác, đây có thể là một dụng ý xấu”.

Vua Đường Huyền Tông lại lần nữa bị Lý Lâm Phủ bùng bít, còn cho ông la bậc trung thân và dần dần xa lánh Lý Thức Chi.

Hiện nay, người ta vẫn dùng câu thành ngữ này để chỉ người ngoài miệng thì nói rất hay, nhưng trong bụng lại rất hiểm độc.

Khéo thủ hào đoạt

“Khéo thủ” có nghĩa là dùng đủ mọi thủ đoạn lừa gạt; Còn “Hào đoạt” là dùng sức mạnh để đoạt lấy.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Thanh Ba tạp chí” của Chu Huy.

Mễ Phế là một danh họa triều nhà Tống, ông là người rất say mê sưu tầm và

cất giữ thư họa của danh nhân các triều đại. Thậm trí không trừ giờ thủ đoạn lừa gạt để đoạt được các bức thư họa. Chỉ cần nghe nói nhà nào có cất giữ thư họa của danh nhân, là ông tìm đủ mọi cách mượn cho bằng được, miệng nói là đem về nhà thưởng thức, nhưng thực ra là để đổi chiều vẽ lại, cho mãi tới khi không ai có thể nào phân biệt rõ hư thực. Sau đó mới đem bức thư họa giả trả lại cho người ta, còn mình giữ lại bức thư họa thật. Cũng có khi ông đem cả hai bức thư họa ra cho chủ nhân tự lựa chọn, nhưng chủ nhân vẫn bị mắc lừa, thường chọn phải bức tranh giả.

Một hôm, Mễ Phế tình cờ gặp Sái Du ngồi cùng thuyền. Bấy giờ Sái Du có đem theo một bức chân tích của nhà thư pháp nổi tiếng triều nhà Tấn Vương Hi Chi, bèn đem ra để Mễ Phế cùng thưởng thức. Mễ

Phê vô cùng ưa thích, cứ ngắm nhìn mãi không chịu buông tay, cứ khẳng khẳng đòi dùng một bức thư pháp khác để đổi lấy, nhưng Sái Du không chịu. Mễ Phê cứ bám lấy Sái Du nằn nì mãi, thậm chí còn hăm dọa rằng nếu không đổi được thì mình sẽ nhảy xuống sông tự tử. Sái Du chẳng còn cách nào khác đành phải nhận lời. Mễ Phê bấy giờ mừng như điên dại.

Những việc làm tương tự của Mễ Phê còn khá nhiều. Nên người thời bấy giờ mới gọi những thủ đoạn này của ông là “Khéo thủ hào đoạt”.

Khoáng nhật tri cửu

Ý của câu thành ngữ này là dây dưa, kéo dài thời gian.

Thành ngữ này có xuất xứ từ “Chiến quốc sách – Triệu Sách Tứ”.

Thời Chiến quốc, vua nước Yên phong Vinh Phân làm Cao Dương Quân, rồi ra lệnh cho ông dẫn quân sang đánh nước Triệu, Vinh Phân là một vị tướng dũng cảm, thiện chiến. Vua nước Triệu biết được tin này vô cùng lo sợ, bèn lập tức triệu tập quân thần để bàn cách đối phó. Tướng quốc Triệu Thắng cho rằng, nước Tề có một vị tướng trí dũng song toàn tên là Điền Đơn, nếu nước Triệu chịu cắt nhường ba thành trì cho nước Tề, để nước Tề cử Điền Đơn sang giúp nước Triệu tác chiến, thì nhất định sẽ đánh bại được Vinh Phân, giữ vững được nước Triệu.

Nhưng đại tướng Triệu Xa rất phản đối ý kiến này, ông nói: “Lẽ nào nước Triệu ta không có một vị tướng nào có thể cầm quân ra trận sao? Nay trận đánh còn chưa mở màn mà đã muốn cắt nhường ba ngôi

thành tri cho nước Tề, thì còn ra thế thông gì? Tôi biết rất rõ tình hình quân đội nước Yên, vậy tại sao lại không cử tôi cầm quân ra trận?”

Triệu Xa giải thích thêm rằng: “Dù Điền Đơn được cử đến chỉ huy quân đội nước Triệu, thì chưa chắc ông ta đã giành được phần thắng. Hơn nữa, Điền Đơn tuy có tài cán thì đã chắc gì ông ta chịu róc sức vì nước Triệu. Mặt khác, Điền Đơn được mời đến, thì thế nào ông ta cũng sẽ dàn quân cầm cự dây dưa trên chiến trường, kéo dài thời gian, thế thì chẳng mấy năm nước ta ắt bị thất bại, hậu quả thật là khó lường”.

Nhưng đáng tiếc là vua Triệu không nghe theo ý kiến của Triệu Xa, vẫn một mực mời Điền Đơn đến thống lĩnh quân đội. Quả nhiên thật đúng như lời của Triệu

Xa, ông ta đã đưa nước Triệu vào một cuộc chiến tranh tiêu hao dai dẳng, rồi cuối cùng bị thất bại thảm hại.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví về hiện tượng dây dưa, kéo dài thời gian.

Khởi tử hồi sinh

Ý của câu thành ngữ này là chỉ người có y thuật cao siêu, đã cứu sống được người sắp chết.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Biên Thước xương công liệt truyện”.

Thời Chiến Quốc có một danh y tên là Tần Việt Nhân, vì ông từng cứu sống được khá nhiều người sắp chết, nên người ta đều coi ông như thần y Biên Thước thời Hoàng Đế trong truyền thuyết.

Một hôm, trong lúc hành y tại nước

Quắc, khi ông đi ngang qua Hoàng cung thì nghe tin Thái tử đã mất vào lúc sáng sớm do chứng bệnh huyết khí bất hợp. Sau khi hỏi rõ bệnh tình, ông cho rằng vẫn còn hy vọng cứu sống, nên bèn đi thẳng vào cung.

Vị đại thần quản sự trong cung sau khi tâu với nhà vua, liền nhanh chóng đưa ông đến trước giường của Thái tử. Ông khom người quan sát một hồi lâu, thấy Thái tử vẫn còn hơi thở thoi thóp, hai vé đùi bên trong của Thái tử vẫn còn chút hơi ấm, bắt mạch vẫn còn đập rất yếu ớt. Ông bèn quay lại nói: “Thái tử mới chỉ ngất đi thôi, tôi sẽ cấp cứu ngay, may ra còn có thể cứu sống được Thái tử”.

Ông nói xong bèn sai đồ đệ đưa kim châm cứu bằng vàng ra, châm cứu lên trên đầu, trên ngực và chân tay của Thái tử. Một lát sau, Thái tử quả nhiên thở hắt ra.

Ông lại gọi đồ đệ chườm nước nóng dưới nách của Thái tử thì Thái tử dần dần tỉnh lại. Quốc vương và các đại thần nước Quắc thấy vậy đều vô cùng mừng rỡ, liền tiếp bày tỏ lời cảm ơn.

Tần Việt Nhân nói: “Đề Thái tử sớm bình phục, tôi sẽ kê một đơn thuốc cho Thái tử uống liền trong 20 ngày thì sẽ khỏi hẳn”.

Quả nhiên, sau 20 ngày dùng thuốc, Thái tử đã khỏi hẳn bệnh. Quốc vương lại lần nữa bày tỏ cảm ơn thì Tần Việt Nhân nói: “Không phải tôi có thể khởi tử hồi sinh, mà là Thái tử vẫn chưa chết, nên tôi mới cứu được Thái tử”.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví với hiện tượng cứu vãn được sự việc đã mất hết hy vọng.

Không trung lâu các

Ý của câu thành ngữ này là chỉ “Đình đài lâu các treo lơ lửng trên không trung”. Về sau người ta hay dùng nó để ví với sự mơ tưởng hão huyền, hoặc những điều hư cấu thoát ly thực tế. Nhưng cũng có thể dùng để ví với sự cao minh thông đạt.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Bách Dụ Kinh - Tam trùng lâu dụ”.

Ngày xưa, có một tay phú nông rất giàu có, nhưng lại cũng rất dân dòn, nên ông thường bị người ta chê cười.

Một hôm, khi ông đến thăm một nhà giàu khác tại địa phương, thấy nhà này vừa mới xây một ngôi lâu ba tầng vừa cao vừa sáng sủa, thì máu tị nạnh của ông lại nổi lên, nghĩ bụng: “Ta và hắn đều là người có tiền, làm sao hắn lại có một ngôi lâu xinh đẹp như vậy mà mình không có, đây thật

không còn ra thể thống gì nữa, mình cũng phải có một ngôi lầu như vậy”.

Hôm sau, ông mời thợ mộc đến nhà rồi hỏi rằng: “Các anh có biết ngôi lầu ở làng bên do ai dựng không?”.

Đám thợ mộc đều nói là do họ dựng. Phú nông này nghe vậy thì mừng quỳnh nói: “Tốt lắm, tốt lắm, bây giờ các anh cũng dựng cho tôi một ngôi lầu ba tầng y hệt như vậy”.

Sau đó, đám thợ mộc đã làm theo ý ông bắt đầu dựng nhà.

Mấy hôm sau, phú ông đến xem họ dựng nhà, ông ta ngó ngang, ngó dọc đến nửa ngày, trong lòng cảm thấy rất khó hiểu mới hỏi đám thợ mộc rằng: “Các anh đang làm gì thế này?”

Đám thợ trả lời: “Chúng tôi đang dựng ngôi lầu ba tầng theo như ý ông dặn”.

Phú nông nghe vậy thì cuống lên nói: “Không đúng, không đúng, tôi mời các anh làm là làm tầng thứ ba, chỉ làm tầng trên cùng thôi, còn hai tầng dưới thì khỏi phải làm, các anh hãy mau mau dỡ đi”.

Đám thợ mộc nghe vậy đều cười phả lên: “Chỉ dựng tầng trên cùng thôi thì chúng tôi chịu, không thể làm được, ông tự dựng lấy vậy”.

Hiên này, người ta vẫn thường dùng câu “Không trung lâu các” để ví với sự mơ tưởng hão huyền hoặc sự vật hư cấu thoát ly thực tế. Cũng có thể dùng để ví với sự cao minh thông đạt, nhưng điều này hơi hiếm thấy.

Khuynh thành khuynh quốc

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Hán thư – Truyện ngoại thích”.

Thời Tây Hán, quan thự chuyên quản về ca nhạc trong các yến tiệc và trên đường du hành của triều đình là Nhạc Phủ. Nhạc Phủ lúc bấy giờ có quy mô rất lớn, nó đồng thời còn sưu tập thơ ca và nhạc khúc trong dân gian. Lý Diên Niên là một nhạc sư trong Nhạc Phủ. Em gái ông là một ca kỹ. Hán Võ Đế rất hâm mộ tài năng của Lý Diên Niên và thường xuyên triệu ông vào cung ca hát.

Có một lần lý Diên Niên hát rằng: “Bắc phương có giai nhân, Tuyệt thế mà độc lập, Nhất cố khuynh nhân thành, Tái cố khuynh quốc nhân. Ninh bất chi khuynh thành dữ khuynh quốc, Giai nhân nan tái đắc”. Lời bài hát này có nghĩa là: Ở miền Bắc có một vị tuyệt sắc giai nhân, người trong thành trong nước sau khi nhìn thấy sắc đẹp của nàng, đều bị khuynh đảo và

tâm tặc khen ngợi. Giai nhân xinh đẹp như vậy quả là hiếm thấy.

Hán Võ Đế nghe xong vô cùng mừng rỡ, bèn hỏi Lý Diên Niên phải chăng trên đời này cũng có một phụ nữ xinh đẹp như vậy? Bấy giờ, chị của vua là Công chúa Bình Dương mới nói với Hán Võ Đế rằng: “Người phụ nữ xinh đẹp đó chính là cô em gái của Lý Diên Niên”.

Hán Võ Đế nghe vậy lập tức chuyển lệnh triệu nàng vào cung, thi thấy nhan sắc của nàng quả thật là trên đời này không có người phụ nữ nào có thể sánh kịp.

Tức thì, Hán Võ Đế để nàng ở lại trong cung và tôn nàng làm Lý phu nhân. Lý phu nhân không những xinh đẹp, mà còn giỏi về ca múa, nên càng được Hán Võ Đế sủng ái. Nhưng ít lâu sau, Lý phu nhân bị bệnh qua đời. Hán Võ Đế vô cùng đau đớn, bèn

ra lệnh vẽ chân dung nàng đem treo ở trong cung, để bày tỏ nỗi niềm thương tiếc của mình.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví về sắc đẹp tuyệt vời của người phụ nữ.

Kiểm thỉnh tắc mình

Ý của câu thành ngữ này là lắng nghe ý kiến của các bên thì mới phân biệt được phải trái.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ: “Tư trị thông giám”.

Thời vua Đường Thái Tông có một nhà chính trị rất nổi tiếng tên là Ngụy Chính, ông giỏi về mặt khuyên răn vua mà lòng danh thiên hạ. Một hôm, vua Đường Thái Tông hỏi ông rằng: “Là vua của một nước, làm sao mới khỏi hồ đồ, làm sao mới có

thể nhìn nhận sự việc một cách rõ ràng và chính xác? Ngược lại, nguyên nhân nào đã dẫn đến phạm sai lầm?”

Nguy Chỉnh suy nghĩ một lát rồi trả lời rằng: “Bệ hạ nên lắng nghe ý kiến của các bên, qua đó sẽ rút ra được kết luận chính xác. Nếu chỉ thiên về ý kiến của một bên thôi là lỗi làm phiến diện, rất dễ làm hỏng việc”. Sau đó, Nguy Chỉnh đã nêu ra nhiều bài học lịch sử và vạch rõ, nếu vua chỉ tin nghe theo một phía, thì sẽ dẫn tới hậu quả vô cùng nghiêm trọng.

Ông đã lấy chuyện vua Tần đời thứ hai làm thí dụ. Ông nói: “Do vua Tần II quá tin Triệu Cao mới dẫn tới và Vọng Di. Do Lương Vũ Đế cả tin lời Chu Di, mà chuốc nỗi nhục ở Đài Thành. Do Tùy Thang Đế quá tin vào Đâu Thế Cơ, mới xảy ra sự biến ở Bành Thành Các. Ngược lại, nếu

như họ đi sâu tìm hiểu sự việc, lắng nghe ý kiến của các bên, thì đều có thể tránh và ngăn chặn được những tai họa này”.

Đường Thái Tông nghe xong, cảm thấy ông nói rất có lý, vua gật đầu lia lịa: “Tốt, tốt lắm”.

Hiện nay, người ta vẫn dùng câu thành ngữ: “Kiêm thính tắc minh” để ví về việc lắng nghe ý kiến của các bên thì mới phân biệt rõ thị phi.

Kiệt trạch nhi ngư

Hai chữ “Kiệt trạch” ở đây là chỉ: Tát cạn nước trong ao. Còn “Ngư” là bắt cá. Vậy ý của câu thành ngữ này là: Tát cạn nước trong ao để bắt cá.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Lã Thị Xuân Thu – Nghĩa thưởng”.

Năm 636 công nguyên, Tấn công tử

Trọng Nhĩ về nước Tấn kê ngôi vua, đặt hiệu là Tấn Văn Công. Bấy giờ các nước chư hầu như Tào, Vệ, Trần v v đều tới tập quy thuận nước Sở, duy chỉ có nước Tống là không thân với nước Sở mà ngả theo nước Tấn. Sở Uy Vương thấy vậy nổi giận bèn ra lệnh cho đại tướng Tử Ngọc thống lĩnh ba quân bao vây chặt Thương Khuru thủ đô nước Tống.

Tống Thành Vương thấy tình thế nguy ngập bèn hòa tặc cầu cứu với Tấn Văn Công. Tấn Văn Công sau khi nhận được thư cấp báo liền triệu gặp cậu mình là Hồ Yên đến thương nghị. Hồ Yên cho rằng, cứu nguy cho nước Tống có thể nêu cao được danh vọng của nước Tấn, rồi ông bày tỏ ủng hộ sách lược này. Tấn Văn Công nghe vậy lo ngại hỏi: “ Binh lực của ta không thể nào sánh bằng binh lực nước

Sở, vậy làm cách nào mới giành được thắng lợi?”

Hồ Yên đáp rằng: “Thần nghe nói, những người trọng về lễ tiết thì không ngại điều rắc rối, kẻ giỏi đánh trận thì không nề hà kẻ lừa dối. Đại Vương nên dùng phương pháp lừa dối”.

Tán Văn Công vẫn rất lo ngại đối với lời làm này của Hồ Yên, mới triệu gặp đại thần Ung Quý đến thương nghị, hỏi ông có ý kiến gì về việc này. Ung Quý nghe xong tỏ ý không tán thành kiến nghị của Hồ Yên, ông đã đưa ra thí dụ như sau: “Có một người muốn bắt cá, nên đã tát cạn hết nước trong ao, đương nhiên là anh ta bắt được rất nhiều cá, nhưng đến sang năm thì không còn cá để bắt nữa. Có một người vì muốn bắt thú rừng, mà đốt hết rừng cây trên núi, tuy bắt được rất nhiều thú rừng, nhưng

sang năm cũng chẳng còn con thú để bắt nữa, nay nếu dùng phương pháp lừa dối thì chỉ có thể thành công một lần đầu thôi, nếu dùng mãi thì sẽ không nhạy nữa”.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu “Kiệt trạch nhi ngư” để ví về việc chỉ nhìn thấy cái lợi trước mắt, chứ không nghĩ về lâu về dài.

Kim ngọc kỳ ngoại, bại tự kỳ trung

Ý của câu thành ngữ này là chỉ: Bề ngoài trông rất đẹp, nhưng bên trong thì rữa nát.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ: “Người bán cam nói” của Lưu Cơ triều nhà Minh.

Lưu Cơ tự Bá Ôn, là người đã giúp Chu Nguyên Chương lập nên triều nhà Minh, sau đó ông được cử giữ chức Ngự

sử trung thừa. Ông từng viết một bài văn nhan đề: “Người bán cam nói”, kể về một sự việc từng trải của mình.

Vào một ngày mùa hè, Lưu Cơ thấy một người bày bán những quả cam trông rất tươi mọng, vỏ vàng óng, bèn mua mấy quả đem về. Nhưng sau khi về đến nhà mới phát hiện những quả cam này đều rửa nát như sơ bông cũ, ông tức giận bèn đi tìm người bán cam bày lý lẽ, trách móc anh ta lừa bịp người khác.

Nhưng thật không ngờ, người bán cam điềm nhiên mỉm cười trả lời rằng: “Tôi làm nghề buôn cam đã nhiều năm, nhưng chẳng thấy người nào như ông cả”.

Anh ta ngừng lại một lát rồi nói tiếp: “Trên đời này đây rầy chuyện người lừa dối người, nào có riêng gì tôi? Tôi xin hỏi ông, Những võ tướng bên ngoài trông oai

phong lâm liệt kia, chúng ăn mặc còn sang trọng hơn cả Tôn Tử và Ngô Khởi, nhưng họ có hiểu chút gì về binh pháp đâu? Còn những văn quan mũ cao đạo mạo, nghênh ngang trong bộ triều phục kia, họ có thật sự có tài năng trị nước yên dân không? Nay trộm cướp như rươi, mà họ không trị nổi; Dân chúng cực khổ, họ không thể cứu giúp; Tham quan vô lại, họ không thể nghiêm trị; Kỷ cương pháp luật nhà nước đôi bại, họ cũng không thể chỉnh đốn được. Họ ngồi bệ vệ trên cao, nhà cửa khang trang, ăn toàn những món sơn hào hải vị, uống đặc loại rượu quý, đi đâu cũng cưỡi con ngựa cao to, người nào người nấy mặt mũi trang nghiêm, thật là trịnh trọng, đứng đắn, nhưng có đứa nào mà chẳng giống những quả cam tôi đang bán đây, bên ngoài thì vàng mọng hết chê,

nhưng bên trong thì rửa nát như sơ bông cũ”.

Lưu Cơ nghe xong chỉ ngẩn người ra, không biết nói gì hơn.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để chỉ đồ hàng mã, ngoài đẹp trong xấu.

Ký nhân lý hạ

Nguyên ý của câu thành ngữ này là sống dựa vào bờ giậu của người khác. Tức sống dưới mái hiên của người khác.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Nam Tê thư – Truyện Trương Dung”.

Triều Nam Tê có một thư sinh tên là Trương Dung, tính tình quái đản, mà hành vi cử chỉ cũng rất kỳ lạ. Chàng vóc người thấp lùn, mặt mũi xấu xí, nhưng tinh thần rất quắc thước, đi đâu cũng ưỡn ngực

ngẩng cao đầu, coi trời bằng vung.

Khi Tiêu Đạo Thành còn chưa lên làm vua cũng rất khâm phục tài năng và phẩm cách của Trương Dung, hai người kết bạn với nhau. Ông cho rằng Trương Dung là một nhân tài hiếm có. Về sau, Tiêu Đạo Thành lập nên chính quyền Nam Tề, nhưng vẫn thường xuyên cùng Trương Dung thảo luận về mặt văn học nghệ thuật.

Một hôm, khi hai người đang thảo luận về mặt thư pháp. Tiêu Đạo Thành nói: “Tuy thư pháp của ông rất có cốt cách, nhưng vẫn kém pháp độ của Nhị Vương (Nhị Vương là chỉ hai cha con Vương Hi Chi và Vương Hiên Chi, hai nhà thư pháp triều nhà Tấn)”. Trương Dung không chịu phục trước lời so sánh này. Ông nói: “Bệ hạ nói tôi thiếu pháp độ của Nhị Vương, chỉ bằng nói Nhị Vương thiếu pháp độ của

tôi”.

Trương Dung chủ chương viết văn thì phải có tính sáng tạo riêng và phong cách riêng của mình. Trong một bài văn của ông có viết rằng: “Là đáng mày râu đại trượng phu, đã viết văn chương thì phải viết ra “Thi”, “Thư”, đặt ra “Lẽ”, “Nhạc” như Không Tử, phát huy tính sáng tạo của mình, không dập khuôn của kẻ khác, như con chim sẽ sống nhờ dưới mái hiên của người ta”.

Do đó, nguyên ý của “Ký nhân ly hạ” là chỉ sáng tác văn học dập khuôn của người khác, không có cách điệu riêng của mình.

Kỳ hóa khả cư

Hai chữ “Kỳ hóa” ở đây là chỉ hàng hóa quý hiếm. Còn “Khả cư” là chỉ cất giữ

hoặc tích trữ. Câu thành ngữ này có nghĩa là tích trữ những hàng hóa quý hiếm, đợi tới khi được giá cao thì bán ra.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Lã Bất Vi liệt truyện”.

Đại thương gia nước Vệ là Lã Bất Vi đến Hàm Đan thủ đô nước Triệu làm buôn bán. Tại đây, ông đã gặp công tử nước Tần là Dị Nhân lúc đó đang làm con tin tại nước Triệu. Lã Bất Vi suy tính nếu mua chuộc được Dị Nhân làm tiền vốn đầu cơ chính trị, thì mình sau này tất công thành danh toại. Nên sau khi về nhà, ông mới hỏi cha mình rằng: “Người nông dân làm ruộng, thì sau một năm được lợi gấp mấy lần?”.

Người cha đáp: “Gấp mười lần”.

Lã Bất Vi lại hỏi: “Nếu buôn bán vàng bạc đá quý thì lợi gấp bao nhiêu?”

Người cha đáp: “Lợi gấp mấy chục lần”.

Lã Bất Vi lại hỏi tiếp: “Thế nếu giúp dựng lên một nhà vua thì lời lãi gấp bao nhiêu lần?”

Người cha đáp: “Thế thì thật là to lớn không có cách nào tính toán được”.

Do đó, Lã Bất Vi liền nghĩ ngay đến việc lợi dụng công tử Dị Nhân để làm một chuyến buôn bán một vốn mười lãi. Dị Nhân nguyên là cháu của Tần Chiêu Vương, con của Thái tử An Quốc Quân. Trước tiên, Lã Bất Vi đến nói với Dị Nhân là mình sẽ róc hết sức để đưa công tử về nước, như vậy một khi Tần Chiêu Vương qua đời, An Quốc Quân tât lên ngôi kế vị thì công tử sẽ trở thành Thái tử. Dị Nhân vô cùng cảm ơn và hứa rằng, nếu sau này mình được lên ngôi thì sẽ chia một nửa

nước Tần cho Lã Bất Vi. Sau đó, Lã Bất Vi đem theo một khoản tiền lớn sang nước Tần mua chuộc người thiếp yêu của An Quốc Quân là Hoa Âm phu nhân, khuyên bà nhận Dị Nhân làm con, và yêu cầu An Quốc Quân sai người sang đón Dị Nhân về nước, đổi tên là Tử Sở. Một năm sau, Tần Chiêu Vương tạ thế, An Quốc Quân lên nối ngôi, xưng hiệu là Hiếu Văn Vương. Một năm sau, Hiếu Văn Vương mất, Sở Tử lên kế vị, Lã Bất Vi trở thành đại công thần bậc nhất.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để chỉ hiện tượng tích trữ, lũng đoạn, giữ lấy một đồ vật hay công nghệ nào đó, để sau này thu được lợi lãi càng to lớn hơn.

Kỷ nhân ưu thiên

Ý của câu thành ngữ này là chỉ ở nước Kỷ có người lo trời sụp xuống.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Truyện Vô đoan của Khổng Tử”.

Ngày xưa, ở nước Kỷ có một người rất nhát gan và gàn dở, anh ta thường hay nặn ra những sự việc hết sức kỳ cục, quái gở. Một hôm, khi ăn cơm tối xong, anh ta cầm quạt đang ngồi hóng mát trước sân nhà, miệng tự lầm bầm: “Nếu một ngày nào đó ông trời bỗng dưng sụp xuống, đề mình chết tươi thì làm thế nào?” Từ đó về sau, anh ta ngày nào cũng suy ngẫm mãi về việc này, nhưng anh càng nghĩ càng lo, càng nghĩ lại càng cảm thấy thật là nguy hiểm. Cứ thế thời gian lâu rồi, anh ta trở nên ăn không ngon, ngủ không yên, khuôn mặt ngày một vồ vằng, mình gầy như xác ve.

Bạn bè thấy anh suốt ngày nghĩ ngợi,

tinh thần hoảng hốt như vậy đều lo thay cho anh. Nhưng sau khi họ được biết vì anh ta quá lo ông trời sụp xuống nên mới như vậy, bèn khuyên anh rằng: “Này ông anh ơi, hà tất phải phiền muộn như vậy, từ xưa đến nay làm gì có chuyện ông trời sụp xuống. Mà dù cho trời có sụp xuống đi nữa thì anh lo nghĩ phỏng được tích sự gì? Tội gì lại phải chuốc lấy sự phiền não này?”. Nhưng dù ai khuyên thế nào, anh ta cũng tỉnh bơ không.

Cứ thế năm tháng chôi qua, bầu trời cũng chẳng thấy sụp xuống, còn anh ta vẫn cứ suốt ngày chìm đắm trong ý nghĩ hoang đường của mình, nghe nói cho mãi đến khi nhắm mắt xuôi tay, anh ta vẫn còn rất lo lắng về việc này.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví với người cứ

ngâm nghĩ những việc không đâu hoặc tự chuốc vạ vào thân.

Kỷ hồ nan hạ

Năm Hàm Hòa thứ 3 Tân Thành Đế, tức năm 328 công nguyên, tướng giữ thành Lịch Dương là Tô Tuấn và tướng giữ thành Thọ Xuân là Tổ Ước, cùng hợp binh nổi loạn đánh vào kinh thành Kiến Khang với danh nghĩa trị kẻ có tội là trung thư lệnh Dũ Tín đang phò tá Tân Thành Đế.

Trong lúc nguy cấp, thứ sử Giang Châu là Ôn Kiêu đã đứng ra liên hợp với Dũ Tín lúc đó đang lánh nạn tại Giang Châu, cùng đề cử thứ sử Kinh Châu là trình tây đại tướng quân Đào Khản làm thủ lĩnh đề dẹp quân phiến loạn. Nhưng do quân phiến loạn thế mạnh người đông, Đào Khản liên tiếp bị thua mấy trận liên, tình hình lương

thảo lại gặp khó khăn. Nên nảy sinh tâm trạng lo sợ mới trách hỏi Ôn Kiều rằng: “Ban đầu khi khởi binh, ông nói ông có nhiều binh lắm tướng, lương thảo sung túc, chỉ cần tôi ra làm Bang chủ là được. Nhưng hiện nay tướng ở đâu? Lương thảo ở đâu? Nếu không có lương thảo thì tôi chỉ còn cách rút quân về, đợi khi nào có đủ lương thảo hãy đánh”.

Ôn Kiều nghe xong điềm nhiên đáp: “Ông nghĩ như vậy là lầm to, muốn thắng kẻ địch thì điều chủ yếu là phải có tinh thần đoàn kết, Lưu Tú và Tào Tháo trước kia sở dĩ có thể lấy ít thắng nhiều là bởi lẽ họ là đội quân chinh nghĩa. Còn Tô Tuấn và Tô Ước là hạng người hữu dũng vô mưu, mượn danh lừa người, chúng ta nhất định sẽ đánh bại chúng. Hiện nay nhà vua đang gặp nạn, nước nhà đang trong cơn

nguy khôn, chúng ta không thể nửa chừng bỏ dở. Ông hiện như đang cưỡi trên lưng thú, không đánh chết nó thì làm sao mà xuống được? Nếu bây giờ ông rút quân về thì tất ảnh hưởng tới dũng khí của quân lính”. Đào Khảm nghe xong đành phải làm theo kiến nghị này và cuối cùng đã giành được thắng lợi.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví về hiện tượng đang làm việc thì gặp khó khăn, do tình thế bức bách mà việc không thể không làm.

Lang tử dã tâm

Ý của câu thành ngữ này là chỉ sói con tuy nhỏ, nhưng tính nết hung tàn của nó thật khó mà thay đổi.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ cuốn “Tả truyện – Tuyên Công tứ niên”.

Tử Văn lệnh doãn nước Sở là một người ngay thẳng liêm chính, em trai ông là Tử Lương làm tư mã nước Sở mới có được đứa con đặt tên là Việt Thúc. Khi con được đầy tháng, trong phủ Tư Mã đã đặt tiệc linh đình mời khách, Tử Văn cũng đến chúc mừng. Nhưng khi Tử Văn nhìn thấy cháu thì bỗng giật mình sững sốt, liền vội vàng nói với Tử Lương rằng: “Thằng cháu này thật không thể nào nuôi được, nghe tiếng khóc của nó như tiếng sói gào, sau này lớn lên tất sẽ đem tai họa cho chúng ta. Ngạn ngữ có câu: “Sói con tuy nhỏ, tính vốn hung ác”. Đây là một con chó sói, em không thể nuôi mối họa này, hãy mau chóng diệt trừ nó đi”.

Tử Lương nghe nói vậy thật không tin vào tai mình nữa, ông run bắn người rồi lắp bắp nói: “Tôi... Tôi là cha nó, thì làm

sao lại có thể nhẫn tâm giết chết nó?”.

Thế rồi, mặc cho Tử Văn năn nỉ khuyên can, nhưng Tử Lương vẫn không chịu nghe.

Tử Văn vô cùng buồn bã vì việc này, cho đến lúc chết mà lòng vẫn không nguôi. Trước khi nhắm mắt, ông cho gọi các thân tín của mình đến và dặn rằng: “Chớ có để Việt Thúc nắm quyền, nếu nó đắc thế, thì các người hãy mau mau trốn đi, bằng không thì hậu quả thật khó lường”.

Sau khi Tử Văn mất, con trai ông là Đâu Ban lên làm lệnh doãn thay ông, còn Việt Thúc thì cũng được làm Tư Mã. Năm 626 trước công nguyên, Việt Thúc tìm đủ mọi cách nịnh hót Sở Mục Vương, rồi bịa đặt nói xấu Đâu Ban, đoạt lấy chức lệnh doãn. Sau khi Sở Mục Vương mất, Việt Thúc liền thừa cơ nổi loạn, sau khi lên

nắm quyền liên giết hại Đâu Ban và các thân tín của Tử Văn trước đây. “Lang tử dã tâm” của Việt Thúc đã được phơi trần.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ “Lang tử dã tâm” để ví với người lòng dạ độc ác.

Lao khô công cao

Ý của câu thành ngữ này là chỉ người vất vả lập nên công trạng.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Hạng Vũ bản kỷ”.

Vào cuối triều nhà Tần, sau khi Lưu Bang dẫn quân đánh chiến Hàm Dương, đô thành của nhà Tần được ít lâu, thì Hạng Vũ đem quân đến Hàm Cốc Quan trấn giữ ở Hồng Môn, chuẩn bị cùng Lưu Bang quyết một trận sống mái. Bấy giờ, lực lượng của phía Hạng Vũ vượt trội hơn phía Lưu

Bang. Lưu Bang rơi vào thế rất bất lợi. Hạng Bá, chú Hạng Vũ là bạn thân của Trương Lương, một mưu sĩ tài giỏi của Lưu Bang nhận lời thay Lưu Bang sang điều đình với Hạng Vũ.

Hôm sau, Lưu Bang dẫn hơn 100 tùy tùng đến Hồng Môn đề tạ tội với Hạng Vũ. Trong khi dự tiệc, có một mưu sĩ Hạng Vũ đã mật sai Hạng Trang ra biểu diễn kiếm thuật để thừa cơ hạ sát Lưu Bang. Hạng Bá thấy vậy cũng rút kiếm ra múa theo và dùng thân mình che chở cho Lưu Bang. Trương Lương thấy tình hình căng thẳng bèn lên ra ngoài trại tìm Phàn Khoái, một tướng lĩnh cùng đi với Lưu Bang. Phàn Khoái biết tin bèn cầm kiếm và xông thẳng vào trại, ông bực tức đến tóc dựng đứng, trừng mắt đến rách cả đuôi mắt nhìn thẳng vào Hạng Vũ. Hạng Vũ sau khi biết rõ

được thân phận của Phàn Khoái bèn thưởng cho ông ta rượu và đùi lợn. Phàn Khoái nói: “Tôi có vài lời khuyên đại vương rằng: Ban đầu, Sở Hoài Vương đã giao hẹn với các tướng lĩnh khởi nghĩa là: Ai chiếm được Hàm Dương trước thì phong kẻ đó làm vương. Nay Bái Công, tức Lưu Bang đã phá được quân Tần và tiến vào Hàm Dương, không mảy may sai sót gì và chờ đợi đại vương tới. Bái Công lao khổ công cao, không những không được ban thưởng phong hầu, ngược lại, đại vương đã nghe theo lời gièm pha, toan giết chết Bái Công, như vậy là muốn đi vét xe đồ của nước Tần, việc này thật không hay ho chút nào”. Hạng Vũ nghe vậy chẳng biết ăn nói ra sao. Còn Lưu Bang thì mượn cớ ra ngoài rồi đi thẳng, không một lời từ biệt.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ “Lao khổ công cao” để ví với người đã vất vả lập nên công trạng.

Lao nhĩ vô công

Câu thành ngữ này xuất xứ từ “Trang Tử - Thiên Vận”, có nghĩa là bỏ ra nhiều sức lực, nhưng chẳng được công cán gì.

Cuối thời Xuân Thu là thời kỳ quá độ từ xã hội nô lệ sang chế độ phong kiến, giữa các nước chư hầu nhiều năm liên tục xảy ra hỗn chiến, mâu thuẫn xã hội vô cùng gay gắt.

Khổng Tử - nhà giáo dục và nhà hoạt động xã hội nổi tiếng thời bấy giờ, cực lực chủ trương lấy nhân nghĩa đạo đức để trị vì nhà nước, ông cho rằng chỉ cần khôi phục lại chế độ của triều nhà Chu trước đây thì thiên hạ sẽ trở nên thái bình. Cho

nên, để thực hiện chủ trương chinh trị này, ông đã đi du thuyết các nước chư hầu áp dụng kiến nghị của mình, nhưng đều bị các nước từ chối, đi đến đâu cũng chẳng có kết quả gì.

Một hôm, Khổng Tử đang chuẩn bị đưa học trò của mình là Ngạn Hôi sang du thuyết nước Vệ. Ngạn Hôi mới hỏi ý kiến của một viên quan lại nước Lô tên là Thái Sư Kim rằng: “Thầy tôi đi khắp nơi tuyên truyền chủ trương chinh trị của mình, nhưng đều không thu được kết quả gì. Vậy lần này sang nước Vệ thì sẽ ra sao?”.

Thái Sư Kim lắc đầu nói: “Tôi thấy vẫn không ổn, hiện nay vua các nước đang nhân cơ loạn lạc, chém giết lẫn nhau để chiếm địa bàn, cơ bản không có hứng thú đối với thuyết “Nhân nghĩa đạo đức” không hợp thời của thầy anh, hai nước Sái,

Trần là một thí dụ. Nếu thầy trò anh đi du thuyết nước Vệ thì nhất định không có kết quả gì. Vì điều này chẳng khác nào lấy thuyền đi trở hàng trên cạn, thật là phí hơi sức, lao nhĩ vô công, mà còn có thể chuốc phải tai vạ. Chẳng lẽ anh đã quên mất lần đi nước Trần bị người ta không tiếp, bảy ngày không có lấy một miếng ăn rồi sao?”.

Ngạn Hồi nhớ lại chuyện đi nước Trần hồi đó, thật cảm thấy vô cùng lo lắng, anh bèn đem lời Thái Sư Kim nói lại với thầy mình, Khổng Tử tuy biết thế, nhưng vẫn một mực đi sang nước Vệ, rút cuộc vẫn chẳng được việc gì, đành phải quay về.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu “Lao nhĩ vô công” để ví với hiện tượng bỏ ra nhiều công sức, nhưng chẳng được công cán gì.

Lão mã thức đồ

Ý của câu thành ngữ này là chỉ con ngựa già nhận biết lối về.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ: “Hàn Phi Tử - Thuyết Lâm Thượng”.

Năm 663 công nguyên, nhận lời thỉnh cầu của vua nước Yên, Tề Hằng Công đã đem theo tướng quốc Quản Trọng và đại phu Thấp Bằng cùng xuất binh xâm lấn Sơn Nhung của nước Yên. Khi quân Tề đến nước Yên mới biết quân Sơn Nhung đã vỡ vét hết của cải trốn sang nước Cô Trúc. Quản Trọng kiến nghị với Tề Hằng Công nên thừa thế đuổi theo diệt luôn cả nước Cô Trúc, để giữ vững an toàn cho phương Bắc. Tề Hằng Công nghe theo bèn dẫn quân đuổi gấp. Nhưng không ngờ sau khi đuổi đến nơi mới phát hiện vua nước Sơn Nhung và Cô Trúc đều đã hoảng hốt

bỏ chạy. Quân nước Tề vẫn tiếp tục đuổi theo và cuối cùng đã giành được thắng lợi.

Nước Tề xuất binh là vào mùa xuân, nhưng khi thắng lợi quay trở về đã là mùa đông. Khi đại quân đi qua một thung lũng trên đèo Sùng Sơn thì bị lạc lối, không tìm được đường ra khỏi thung lũng. Thời gian thấm thoát trôi qua, lương ăn của quân lính ngày một cạn dần, nếu cứ thế kéo dài thì cả đoàn quân tất bị chết đói trong thung lũng. Đứng trước tình hình này, Quản Trọng đã vắt óc suy nghĩ, cuối cùng đã tìm ra một cách là: Những con ngựa trong quân đội, mà nhất là những con ngựa già rất có thể có bản lĩnh như chó nhận biết lối về. Sau khi được sự đồng ý của Tề Hằng Công, Quản Trọng bèn lập tức chọn mấy con ngựa già, tháo hết dây cương, thả cho chúng tự do đi trước đại quân. Kết quả là

những con ngựa già này đều đi về cùng một hướng, dẫn cả đoàn quân ra khỏi thung lũng, tìm đến đường cái lớn trở về nước Tề.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ: “Lão mã thức đồ”, để ví với những người hiểu biết, có kinh nghiệm phong phú, đi đâu dẫn dắt mọi người.

Lão sinh thường đàm

Ý của câu thành ngữ này là chỉ những lời nói cửa miệng của các ông đồ, chẳng có ý nghĩa gì mới mẻ.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Tam quốc chí - Ngụy chí - Truyện Quán Lộ”.

Thời Tam quốc, có một người tên là Quán Lộ rất thông minh, tháo vát. Ông từ nhỏ say mê thiên văn, năm 15 tuổi đã học thuộc lầu “Châu dị”, giỏi nghề bói toán và

khá có tiếng tăm. Tin này cũng đã truyền đến tai Lịch bộ thượng thư Hà Yên và Thị trung thượng thư Đặng Dương, hai người đều là tay chân đắc lực của Tào Sảng, cháu của Tào Tháo, chúng ý thể làm càn, tiếng đồn đại rất xấu. Quản Lộ cũng đã nghe biết việc này.

Hôm đó là ngày 28 tháng 12 âm lịch, hai vị quan tai to mặt lớn này sau khi cơm no rượu say, nhân lúc nhàn nhã bèn gọi Quản Lộ đến bói một quẻ. Quản Lộ cũng muốn nhân dịp này đề tri cho hai vị này một trận nên đã nhận lời. Khi Hà Yên thấy Quản Lộ đến bèn nói bô bô nói rằng: “Ta nghe nói người bói rất linh nghiệm, vậy hãy mau mau bói cho ta một quẻ, xem ta có được thăng quan, giàu có hay không. Ngoài ra, ta mấy đêm nay đều nằm mơ thấy một con ruồi đậu trên mũi mình, vậy

là điềm gì?”

Quản Lộ nghe xong, suy nghĩ hồi lâu rồi nói: “Chu Công ngày xưa là một người trung hậu, chính trực. Ông ta đã giúp Chu Thành Vương gây dựng nên nghiệp đế vương, khiến nhân chúng được an cư lạc nghiệp. Chức vụ của ngài hiện còn cao hơn Chu Công, nhưng người được hưởng ân huệ của ngài thì rất ít, còn người sợ ngài lại nhiều vô kể. Hơn nữa xét từ giấc mơ của ngài thì đây là một điềm dữ. Nếu ngài muốn biến dữ thành lành, thì hãy bắt chước các bậc thánh nhân như Chu Công chẳng hạn, tu thân tích đức và làm việc thiện”.

Đặng Dương nghe xong, chẳng coi ra làm sao nói: “Đây là những lời nói cửa miệng của các ông đồ, chẳng có ý nghĩa gì hết”.

Quản Lộ cười to nói: “Tuy đây là lời

nói của ông đồ, nhưng chớ nên coi nhẹ”.

Thế rồi, bước sang năm mới thì có tin về việc Hà Yên, Đặng Dương và Tào Sảng bị hạ sát do mưu làm phản. Quản Lộ nghe được tin này bèn than rằng: “Do không coi lời ông đồ ra gì, nên mới đến nông nỗi này”.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ: “Lão sinh thường đàm” để ví với những lời nói có nội dung trùng lặp làm người ta chán ngán.

Lực bất tòng tâm

Ý của câu thành ngữ này là chỉ người sức lực yếu kém, không thể làm công việc mà mình mong muốn.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Hậu Hán thư – Truyện Ban Siêu”.

Thời Đông Hán, Ban Siêu theo lệnh

Minh Đê dẫn theo mấy chục người đi xứ sang Tây Vực, đã lập nên nhiều công trạng to lớn. Năm tháng trôi qua, bất giác Ban Siêu ở lại Tây Vực đã được 27 năm trời. Khi ông mới đến Tây Vực còn là tuổi tráng niên, còn bây giờ thì tuổi đã cao, sức khỏe ngày một suy yếu. Người đã già rồi rất mong muốn lá rụng về gốc, ông đã viết một bức thư bày tỏ lòng nhớ quê da diết của mình, rồi sai con trai đem về nhà Hán, dâng lên Hòa đế Lưu Triệu xin điều ông về kinh thành. Nhưng bức thư trình lên đã lâu mà nhà vua cũng chẳng để ý tới. Sau đó, em gái của Ban Siêu là Ban Chiêu lại viết một lá thư dâng lên nhà vua, nhấn mạnh niềm mong muốn của anh mình. Trong thư có mấy câu như sau: “Ban Siêu là người cao tuổi nhất trong số những người cùng đi Tây Vực, nay tuổi đã ngoài 60, sức yếu

lắm bệnh, mái tóc bạc phơ, mắt mờ tai kém, chân tay bủn rủn, đi đâu cũng phải chống gậy, nếu chẳng may xảy ra bạo loạn, thì sức lực của Ban Siêu không thể nào chiều theo ý muốn của mình nữa. Như vậy, trên thì phương hại đến công trị vì lâu dài của nhà nước, dưới thì hủy hoại đến thành quả do các bậc trung thân không dễ mà giành được, thực là đau lòng lắm thay”.

Bức thư của Ban Chiêu đã có hiệu quả, Hòa Đế hết sức xúc động trước lời lẽ trong thư, bèn lập tức truyền chỉ điều Ban Siêu về nhà Hán. Ban Siêu về tới Lạc Dương chưa đầy một tháng thì bệnh tình nặng thêm rồi qua đời, hưởng thọ 71 tuổi.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ “Lực bất tòng tâm” để ví về hiện tượng sức yếu, không thể làm được những công việc mà mình mong muốn.

Lục lực đồng tâm

Ý của câu thành ngữ này là chỉ mọi người cùng đồng tâm hiệp sức, đoàn kết nhất trí.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Mạc Tử - Thường Hiền Trung”.

Vua Kiệt – nhà vua cuối cùng của triều nhà Hạ là một tên bạo chúa. Ông hoang dâm vô đạo, hung ác tàn bạo, khiến dân chúng sống cảnh cơ cực lầm than, tiếng oán trách dậy đất.

Nhà Thương là một nước chư hầu nhỏ nằm ở phía đông nhà Hạ. Vua Thang nước Thương là một vị vua thông minh, ông đã liên lạc và hợp sức với các nước chư hầu, chiêu nạp hiền sĩ để chuẩn bị lật đổ ách thống trị của vua Kiệt triều nhà Hạ.

Một hôm, có người mách với vua

Thang nhà Thương là Y Doãn đang sống ẩn cư ở vùng ngoại ô nước Tân. Vua Thang nghe xong mừng như nhật được của báu, bèn lập tức sai sứ giả đem thêm nhiều của cải châu báu đến mời Y Doãn. Sứ giả đi mời đã hai lần, nhưng đều bị Y Doãn từ chối. Vua Thang thấy vậy bèn tự mình đến mời. Y Doãn rất cảm động trước tấm lòng thành khẩn của ông, nên đã quyết định ra giúp ông lật đổ ách thống trị của triều nhà Hạ.

Dưới sự giúp đỡ của Y Doãn, nhà Thương ngày càng trở nên lớn mạnh, khi thời cơ diệt trừ nhà Hạ đã chín muồi, vua Thanh nhà Thương khởi binh tiến đánh triều nhà Hạ. Trước khi xuất quân, vua Thang đã đọc một bài văn cáo trước toàn quân. Bài văn cáo viết: “Vua Kiệt nhà Hạ tội ác tày trời, trời đất không thể dung tha,

nay trời đã sai khiến Y Doãn trợ giúp ta, bảo ta cùng đồng lòng hợp sức với ông để trị vì thiên hạ. Các tướng sĩ phải gắng sức chiến đấu, giúp ta hoàn thành sứ mệnh do trời pho thác”.

Sau khi hai bên giao chiến, quân sĩ nhà Thương tỏ ra rất anh dũng thiện chiến, khiến quân lính nhà Hạ không sao chống cự nổi, cuối cùng bị đánh tan tác phải bỏ chạy tháo thân. Do vua tôi nhà Thương và Y Doãn cùng chung sức chung lòng, nên cuối cùng đã lật đổ ách thống trị tàn bạo của triều nhà Hạ.

Hiện nay người ta vẫn dùng câu thành ngữ “Lục lực đồng tâm” để ví về hiện tượng nhiều bên hoặc nhiều người cùng chung sức chung lòng.

Lưỡng bại câu thương

Ý của câu thành ngữ này là chỉ trong cuộc giành giật, cả hai bên đều bị tổn thương, chẳng có bên nào được lợi cả.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Truyện Trương Nghi Liệt”.

Thời Chiến Quốc, hai nước Hàn Ngụy giao chiến với nhau đã được hơn một năm, mà vẫn chưa phân thắng bại. Tần Huệ Vương muốn xuất quân can thiệp việc này, mới triệu tập quần thần lại hỏi ý kiến. Các đại thần đều có ý kiến khác nhau, khiến Tần Huệ Vương chẳng biết quyết đoán ra sao. Bấy giờ có một người nước Sở tên là Trần Chấn mới kể truyện Biện Trang Tử giết hổ cho vua nghe: “Một hôm, Trang Tử nhìn thấy hai con hổ ăn thịt một con trâu, ông đang định rút kiếm ra đâm chúng, thì người hầu bàn trong quán dịch vội ngăn ông lại nói: Hiện nay chúng đang mải ăn,

nhưng đến lúc ăn ngon miệng rồi thì chúng
tất tranh nhau, mà đã tranh giành nhau thì
tất cắn xé nhau. Sau đó thì con hồ to hơn
sẽ bị thương, con hồ nhỏ sẽ bị cắn chết.
Đến lúc đó, ông ra tay đâm chết con hồ bị
thương kia, há chẳng phải có tiếng tăm
cùng lúc giết chết hai con hồ sao. Biện
Trang Tử nghe lời nói này thật có lý, bèn
dừng tay ngồi đợi xem, cuối cùng quả
nhiên đúng như vậy, ông một lúc giết chết
cả hai con hồ”.

Kỳ thực thì Trần Chân đã ví hai nước
Hàn Ngụy là hai con hồ, khuyên nước Tần
hãy đợi khi hai nước này đã thương vong
nặng nề rồi mới xuất quân, thì sẽ chẳng
khác gì Biện Trang Tử ngồi không mà
được lợi.

Tần Huệ Vương nghe xong vô cùng
mừng rỡ, bèn làm theo ý của Trần Chân,

tạm thời không xuất quân để chờ đợi thời cơ.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để chỉ hai bên đều bị tổn thương trong tranh chấp, chẳng được ích lợi gì.

Lưu ngôn phi ngữ

Ý của câu thành ngữ này là chỉ những lời nói vô căn cứ được lưu truyền trong xã hội, mà phần lớn là những lời gièm pha vu vạ, gây xích mích đối với người khác.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Liệt truyện Ngụy Kỳ Võ An Hầu”.

Năm 154 trước công nguyên, người cháu của Đậu thái hậu triều nhà Hán là Đậu Anh, do có công nên được Hán Cảnh Đế phong làm Ngụy Kỳ Hầu. Còn người em cùng mẹ với Hoàng hậu Vương Thị là

Điền Phân lúc này chỉ là chức Lang Quan. Về sau do Vương hoàng hậu thường xuyên khen ngợi Điền Phân trước mặt Hán Cảnh Đế, mới được nhà vua phong làm Võ An Hầu. Một năm sau Đậu thái hậu qua đời, Đậu Anh trở nên thất thế, còn Điền Phân thì được phong làm Thừa tướng. Bây giờ các quý tộc trong triều đều quay sang nịnh hót Điền Phân, duy chỉ có tướng quân Quán Phu là vẫn giữ quan hệ mật thiết với Đậu Anh.

Năm 131 trước công nguyên, Điền Phân tổ chức lễ thành hôn với con gái của Yên Vương, các đại thần trong triều đều đến chúc mừng. Khi Điền Phân chúc rượu trong buổi tiệc, đám khách khứa đều tới tập ròi chỗ quỳ lạy dưới đất. Nhưng đến khi Đậu Anh đứng lên chúc rượu thì chỉ có mấy người ròi chỗ, còn phần lớn tinh binh

như không. Tướng quân Quán Phu thấy vậy vô cùng tức giận, bèn chê trách hành vi này của các đại thần. Điền Phen thấy Quán Phu lăng nhục các vị khách của mình thì vô cùng giận dữ, liền bắt giam Quán Phu cùng gia tộc của ông.

Đậu Anh xin với Hán Cảnh Đế tha tội cho Quán Phu, nhưng Vương thái hậu biết được liền bức ép vua bênh vực Điền Phen, nhà vua đành phải bắt Đậu Anh giam vào ngục.

Sau đó, Quán Phu bị xử tội chém cả họ. Đậu Anh biết được tin này muốn tuyệt thực tự sát. Nhưng sau đó có tin đồn rằng vua không muốn giết ông, nên lại ăn uống trở lại. Nhưng lúc này có khá nhiều tin đồn nhảm vu khống Đậu Anh truyền vào trong cung. Hán Cảnh Đế nổi giận tin là thực liền chém chết Đậu Anh.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ “Lưu ngôn phi ngữ” để chỉ lời gièm pha sau lưng người.

Mãn thành phong vũ

Ý của câu thành ngữ này là chỉ cảnh sắc mùa thu hoặc đêm xuân trong mưa gió.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Lãnh trai dạ thoại” của Huệ Hồng triều nhà Tống.

Tạ Dật và Phan Đại Lâm người triều nhà Tống là hai người bạn tri kỷ. Tuy hoàn cảnh gia đình họ neo đơn, bần hàn, nhưng đều là thi sĩ rất nổi tiếng trong làng thơ lúc bấy giờ. Mặc dù nhà họ cách xa nhau, nhưng lại rất hợp ý nhau và thân như anh em một nhà, họ vẫn thường xuyên thư từ qua lại thăm viếng và trao đổi về nghệ thuật thơ phú.

Một hôm, Tạ Dật quá nhớ bạn mới viết một lá thư sang hỏi thăm và mong Phan Đại Lâm gửi cho mấy bài thơ mà ông mới sáng tác gần đây. Sau khi nhận được thư bạn, Phan Đại Lâm mừng lắm bèn lập tức hồi thư viết: “Dạo này đang là mùa thu khí trời mát mẻ, phong cảnh đẹp say đắm lòng người, đã khơi dậy trong tôi biết bao cảm hứng. Nhưng khôn nổi lại bị những chuyện vụn vặt không đâu làm cụt hứng.

Tối hôm qua, tôi nằm trên giường nghe tiếng gió lùa bên song, rừng thu xào xạc trong mưa đêm, máu thơ bốc lên, bèn vội vàng trở dậy lấy bút viết ngay trên tường câu: “Mãn thành phong vũ cận trùng dương”. Nhưng không ngờ giữa lúc này bỗng có một viên quan lại thu thuế sộc vào trong nhà, làm tôi mất hết cả hứng thơ. Cho nên tôi chỉ có mỗi câu này gửi tặng anh

thôi”.

Do câu thơ này đã miêu tả được cảnh sắc mùa thu và cảnh rừng hoang quạnh quẽ rất thật và cũng vô cùng sinh động. Nên mặc dù nó còn chưa thành bài thơ, nhưng vẫn được người ta ưa thích.

Về sau, “Mãn thành phong vũ cận trùng dương” dần dần diễn biến thành câu thành ngữ “Mãn thành phong vũ”, nhưng nó không còn miêu tả về cảnh sắc mùa thu nữa, mà đề ví về tin tức một khi chuyên ra sẽ lan đi nhanh chóng, khiến mọi người bán tán xôn xao. Câu thành ngữ này thường chỉ dùng để chê bai.

Mao Toại tự tiên

“Mao Toại tự tiên”. Tức Mao Toại tự tiên cử mình.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử

ký - Bình Nguyên Quân liệt truyện”.

Năm 251 công nguyên, Hàm Đan thủ đô nước Triệu bị đại quân nước Tần bao vây. Vua Triệu vội cử Thừa tướng Bình Nguyên Quân đi sứ nước Sở, khuyên nước Sở cùng hợp sức với nước Triệu đánh lại quân Tần. Bình Nguyên Quân phụng chỉ bèn tuyển chọn 20 người có mưu trí cùng đi theo, nhưng qua tuyển chọn chỉ được có 19 người, ngoài ra chẳng còn người nào xứng đáng cả. Bấy giờ có một người tên là Mao Toại tự tiến cử rằng: “Ngài hãy để tôi đi theo cho đủ số”.

Bình Nguyên Quân hầu như không hề quen biết Mao Toại, và cũng chưa hề nghe ai nhắc đến người này, cho là anh ta không có tài cán gì, nên ngần ngại không dám nhận lời. Mao Toại thấy vậy mạnh dạn nói: “Nếu như ngài sớm để ý đến tôi, thì chắc

chấn là tôi đã trở thành chiếc dùi nhọn trong túi vải đâm lòi ra ngoài. Bây giờ ngài hãy bỏ tôi vào trong túi có được không?”. Bình Nguyên Quân nghe vậy bèn đồng ý để Mao Toại đi theo.

Nhưng không ngờ, vua nước Sở không đồng ý cùng nước Triệu hợp sức đánh Tần, Mao Toại thấy Bình Nguyên Quân không còn biết ăn nói ra sao, vội bước lên khuyên vua Sở, thì bị vua Sở mắng cho một trận rồi đuổi ra ngoài. Mao Toại nổi giận cầm kiếm xấn đến gần vua Sở thét rằng: “Tôi đứng gần đại vương chỉ trong gang tấc, dù nước Sở có mạnh đến mấy cũng chẳng thể cứu được đại vương, tính mạng của đại vương hiện đang nằm trong tay tôi”.

Mao Toại thấy vua Sở kinh hãi đứng đực người ra, bèn phân tích rõ mọi lợi hại

của việc hai nước hợp sức đánh nước Tần, lý lẽ thật rõ ràng thấu triệt. Cuối cùng, vua Sở đã bị thuyết phục trước lời lẽ và lòng dũng cảm của Mao Toại, cùng Bình Nguyên Quân trích máu ăn thề liên hợp đánh nước Tần.

Hiên nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ “Mao Toại tự tiến” để ví với hiện tượng tự mình tiến cử mình đi làm một công việc nào đó.

Mê đồ tri phản

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Quy khứ lai hề tự” của Đào Uyên Minh.

Đào Uyên Minh nhà thơ triều nhà Tấn là một người rất nổi tiếng trong lịch sử văn học TQ. Tuy ông là dòng dõi nhà làm quan, nhưng khi ông lên tám tuổi thì cha mất, đến năm ông mười hai tuổi thì mẹ

mất, cảnh nhà nghèo xơ xác. Đào Uyên Minh tuy nhà nghèo nhưng lại là người có trí lớn, học hành rất chăm chỉ. Về sau, do được người chú tiến cử, ông được làm huyện lệnh Bành Trạch (thuộc tỉnh Giang Tây ngày nay).

Nhưng Đào Uyên Minh vốn tính rất say mê thiên nhiên, ông mới làm huyện lệnh được có mấy ngày mà đã nhớ nhà nhớ quê toan thôi chức trở về. Ông cảm thấy mình ra làm quan là để kiếm miếng cơm manh áo, nhưng sau khi có ăn có mặc rồi lại đi làm những công việc ngược với ý mình, nên lòng đau khổ vô hạn. Ít lâu sau, Đào Uyên Minh được tin em gái đã mất tại Võ Xương (tức Ngạc Thành tỉnh Hà Bắc ngày nay). Ông muốn lập tức đi ngay để phúng viếng, nên đã tự động từ chức. Vậy là Đào Uyên Minh sau khi làm quan được hơn 80

ngày, lại trở về sông ở nơi đồng quê dân dã.

Theo sử sách ghi chép thì do Đào Uyên Minh không chịu khúm núm trước một tên đốc bưu do quận cử đến địa phương thị sát, nên mới bỏ quan về quê sinh sống.

Sau khi Đào Uyên Minh về sống ẩn cư, trong bài “Quy khứ lai hê tự” của ông, đã tổng kết về chặng đường sinh sống mà mình đã đi qua, ông nhận thấy tuy quá khứ không thể nào vãn hồi, nhưng tương lai còn có đủ thời gian để bù đắp. Ý nói việc mình ra làm quan là một sai lầm, hiện nay quy ẩn vẫn còn kịp. Minh đích thực đã đi lầm đường lạc lối, điều may mắn là tuy đi lầm đường nhưng biết quay trở lại. Có khá nhiều bài thơ đồng quê của ông chính là được sáng tác trong thời gian sau này.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ “Mê đồ tri phản” để ví với hiện tượng biết sai thì sửa.

Minh châu ám đầu

Ý của câu thành ngữ này thường dùng để ví về báu vật quý hiếm nằm trên tay người không biết về giá trị của nó.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Lỗ Trọng Liên Châu Dương liệt truyện”.

Thời vua Hán Cảnh Đế tại vị, do không lập tức lập ngôi Thái tử, nên người em trai của vua là Lương Hiếu Vương rất mong sau này mình sẽ kế ngôi vua. Do đó, ông thường cùng các thân tính của mình như Dương Thắng, Công Tôn Ngụy v v mật bàn mưu sách để đoạt ngôi vua. Bấy giờ, Lương Hiếu Vương có một môn khách

rất có tài đức tên là Châu Dương. Châu Dương sau khi biết được việc này liền khuyên Lương Hiếu Vương đừng có gây nên tai họa này. Dương Thắng và Công Tôn Ngụy rất lo sợ việc bị bại lộ, bèn khuyên Lương Hiếu Vương bắt giam Châu Dương vào ngục.

Châu Dương ngồi trong ngục đã viết một bức thư cho Lương Hiếu Vương, trong thư đã dẫn chứng rất nhiều thí dụ về các trọng thần bị oan trái, mà ông là một người trong số họ. Trong thư viết: “Tôi nghe nói báu vật quý hiếm trên đời này là Minh nguyệt châu và Dạ quang bích. Nhưng nếu ta lên vớt nó ở trên đường, thì người qua đường sẽ ngơ ngác nhìn lác mắt, mà không dám nhặt nó lên là có làm sao? Đó là vì họ không biết tại sao nó lại nằm ở đây”. Lương Hiếu Vương hiểu rất rõ hàm ý của

câu nói này, bèn tha cho Châu Dương.

Ít lâu sau, trước lời khuyên của đại thần Ái Áng, Hán Cảnh Đế đã nhanh chóng lập ngôi Thái tử. Lương Hiếu Vương thấy vậy vô cùng căm tức, bèn mật sai người giết chết Ái Áng. Hán Cảnh Đế biết ngay là người của Lương Hiếu Vương gây ra vụ mưu sát này, nên bức hẩn khai ra kẻ chủ mưu. Lương Hiếu Vương chẳng còn cách nào khác đành phải ra lệnh cho Dương Thắng và Công Tôn Ngụy tự sát. Nhưng Hán Cảnh Đế nào có chịu tha cho việc này. Cuối cùng, Lương Hiếu Vương đành phải mời Châu Dương sang đấu dịu với Hán Cảnh Đế, sự việc mới coi như kết thúc.

Hiện nay, có khi người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ “Minh châu ám đầu” để ví với hiện tượng người tài giỏi những không được trọng dụng.

Như ngư đắc thủy

Đây có ý ví về người hoặc tình hình rất hợp với ý mình. Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Tam quốc chi - Ngô thư - Truyện Gia Cát Lượng”.

Cuối thời Đông Hán, thiên hạ đại loạn, các hào kiệt tới tấp nổi dậy. Nhằm thực hiện chí lớn thống nhất thiên hạ, Lưu Bị đã đi khắp nơi tìm kiếm nhân tài. Trong thời gian ở thăm Lưu Biểu tại Kinh Châu, sau khi được biết về Gia Cát Lượng, ông bèn tìm đến núi Ngọa Long ở Long Trung thăm Gia Cát Lượng mời ông ra giúp nước. Nhưng Lưu Bị đến hai lần đều không gặp, lần thứ ba mới gặp được Gia Cát Lượng. Lưu Bị nói rõ ý định và lý tưởng cao xa của mình. Gia Cát Lượng nghe xong cũng róc hết bầu tâm sự, nêu ra phương châm

chiến lược đoạt lấy Ích Châu và Kinh Châu, phía Tây nam giao hảo với các dân tộc thiểu số, phía Đông liên hợp với Tôn Quyền, phía Bắc chống Tào Tháo. Đồng thời dự đoán sau này thiên hạ tất hình thành cục diện ba nước Thục, Ngụy, Ngô theo thế chân vạc. Lưu Bị nghe xong vô cùng mừng rỡ, bèn tôn Khổng Minh làm quân sư.

Khổng Minh dốc sức phù tá Lưu Bị, nên được Lưu Bị rất tin cậy và trọng dụng. Nhưng việc này lại khiến Quan Vũ và Trương Phi không vừa ý. Lưu Bị đã giải thích một cách rất hình tượng là ví mình như cá, còn Khổng Minh là nước. Còn nói tài chí của Khổng Minh là rất quan trọng trong việc giúp mình hoàn thành kế lớn tranh đoạt thiên hạ. Ông nói: “Ta được Khổng Minh khác nào như cá gặp nước,

mong các chư tướng chớ có nói nhiều”.

Từ đó Không Minh trợ giúp Lưu Bị Bắc phạt, chiếm được Kinh Châu và Ích Châu, liên tiếp giành thắng lợi về mặt quân sự, cục diện quả nhiên hình thành ba nước thế chân vạc.

Phá kính trùng viên

Ý của câu thành ngữ này là chỉ “Gương vỡ lại lành”.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Bản sự thi – Tình cảm” của Mạnh Khởi triều nhà Đường.

Từ Đức Ngôn-môn khách của Thái tử nước Trần thời Nam Triều và Công chúa Lạc Xương là vợ chồng rất mực thương yêu nhau. Triều chính nước Trần lúc bấy giờ rất hủ bại, Từ Đức Ngôn đã đoán biết nước Trần đang đứng trước thảm họa bị

diệt vong, vợ chồng mình sẽ buộc phải chia lìa, nên ông mới dẫn vợ rồi bẻ chiếc gương gãy làm đôi, mỗi người giữ một nửa làm tin để sau này lại đoàn tụ với nhau.

Ít lâu sau, vua nước Tùy Dương Kiên diệt được nước Trần thống nhất miền Bắc. Dương Tổ là người có công trong việc tiêu diệt nước Trần không những được phong làm Việt Quốc Công, mà còn được nhiều phong thưởng, trong đó có Công chúa Lạc Xương. Còn Từ Đức Ngôn thì đành phải chạy trốn. Tuy tình cảnh vợ chồng bị chia lìa, nhưng họ vẫn nhớ thương nhau da diết.

Ngày 15 tháng giêng năm đó, Từ Đức Ngôn đến một phiên chợ rất nhộn nhịp, thì thấy một cụ già đang ngồi bán một nửa mảnh gương đồng với giá rất đắt. Ông chăm chú nhìn kỹ thì nhận ra ngay đó là

nửa mảnh gương của vợ mình. Thi ra bà già này là người đầy tớ trong Dương phủ được Công chúa Lạc Xương sai đem gương ra bán để tìm chồng mình. Từ Đức Ngôn liền viết một bài thơ nhờ bà cụ chuyển cho Công chúa. Trong thơ đại ý viết: Gương và người đều rời tôi mà đi, nhưng nay thấy gương mà chẳng thấy người. Công chúa Lạc Xương sau khi đọc thơ và thấy mảnh gương kia của chồng, ngày nào nàng cũng đầm đìa nước mắt. Dương Tổ biết được việc này thì vô cùng cảm động, bèn cho phép hai vợ chồng họ đoàn tụ và còn biếu tặng nhiều của cải.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví về việc sau khi vợ chồng lìa xa nhau hoặc tình cảm vợ chồng bị rạn nứt lại được đoàn tụ hòa hảo với nhau.

Phá phủ trăm châu

Phá phủ trăm châu (Chữ Phủ là chỉ nôi, còn chữ Châu là chỉ thuyền). Nguyên ý của thành ngữ này là đập vỡ nôi và đục thủng thuyền.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Hạng Vũ bản kỷ”.

Vào những năm cuối triều nhà Tần, nước Tần xuất binh tấn công nước Triệu. Nước Triệu bị thất bại bèn lui về cố thủ ở Cự Lộc (Tức phía Tây nam Bình Hương tỉnh Hà Bắc ngày nay) thì bị quân Tần bao vây chặt. Bấy giờ, Sở Hoài Vương của nước Sở bèn phong Tống Nghĩa làm thượng tướng, Hạng Vũ làm phó tướng cùng dẫn quân sang cứu viện nước Triệu.

Nhưng khi Tống Nghĩa đưa quân đến An Dương thì dừng lại không đi nữa và

nán lại ở đó những 46 ngày. Hạng Vũ thấy vậy vô cùng sốt ruột, ông nhiều lần yêu cầu Tổng Nghĩa đưa quân Bắc tiến cùng quân Triệu hợp sức, trong đánh ra, ngoài đánh vào thì quân Tần tất bị thất bại. Nhưng Tổng Nghĩa lại muốn chờ cho tới khi hai bên Tần Triệu đánh nhau mệt rồi mới tiến đánh thì ngư ông được lợi, nên ra lệnh nghiêm cấm quân sĩ không ai được tùy ý hành động. Sau đó, Tổng Nghĩa mở tiệc mời khách ăn uống no say, mặc cho đám quân lính chịu đói khát.

Hạng Vũ không thể nhịn được nữa, bèn bày mưu hạ sát Tổng Nghĩa, các tướng sĩ liền bầu Hạng Vũ lên làm chủ tướng. Sau đó, Hạng Vũ lệnh cho hai vị tướng dẫn hai vạn quân vượt sông sang giải cứu Cự Lộc trước. Sau khi đánh thắng vài trận nhỏ, Hạng Vũ liền ra lệnh cho toàn quân vượt

sông sang cứu viện nước Triệu.

Sau khi quân đội đã qua sông, Hạng Vũ đã áp dụng một loạt hành động quả quyết, đục thủng hết chiến thuyền, đập vỡ hết nồi nấu cơm, đốt hết doanh trại, chỉ đem theo ba ngày lương khô, nhằm tỏ lòng quyết tâm chiến đấu đến cùng, ngoài ra không còn lối thoát nào khác. Cho nên toàn quân sau khi đến ngoại vi Cự Lộc, liền nhanh chóng vây chặt quân Tần, qua 9 ngày kịch chiến đã đánh bại được quân Tần.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví về lòng quyết tâm chiến đấu đến cùng, anh dũng tiến lên, quyết một trận tử chiến.

Phao chuyên dẫn ngọc

Chữ “Phao” ở đây là chỉ vút hoặc tung ra. Ý của câu thành ngữ này là chỉ vút gạch

ra để đem lại ngọc báu.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Truyền đăng lục Cảnh Đức – Quyền mười” của Thích Đạo Nguyên đời nhà Tống.

Tương truyền, cao tăng triều nhà Đường - Tùng Thẩm thiền sư là người yêu cầu rất nghiêm ngặt đối với các đồ đệ khi tham thiền, mỗi người đều phải tập trung sức chú ý, tĩnh tâm tọa thiền, gạt bỏ mọi sự quấy nhiễu, đạt tới mức thân tâm bất động.

Có một lần, trong khi đang tham thiền vào ban đêm, Tùng Thẩm thiền sư có ý muốn thử sự tập trung chú ý của các đồ đệ mình, ông nói: “Đêm nay ta đặt ra câu hỏi, ai có lý giải gì về Phật pháp thì đứng ra”.

Bấy giờ các đồ đệ đều tập trung tinh lực tọa thiền, không hề nhúc nhích. Duy chỉ có một tiểu tăng đứng ra chấp tay lễ bái

rồi trả lời thiền sư. Tùng Thâm thiền sư nhìn chú tiểu tăng chỉ nói một câu rằng: “Ta vừa ném gạch ra để lấy ngọc về, những không ngờ lại chuốc về một cục đất còn kém hơn cả viên gạch”.

Về “Phao chuyên dẫn ngọc” còn có một truyện kể như sau: Một hôm, khi Triệu Hổ nhà thơ triều nhà Đường đi du lịch tại Ngô Địa, có một nhà thơ bản xứ tên là Thường Kiên rất sùng bái ông, khi biết chắc Triệu Hổ thế nào cũng đến viếng chùa Linh Nham, ông ta bèn đến chùa trước rồi viết trên tường hai câu thơ, những mong sau khi Triệu Hổ nhìn thấy sẽ viết thêm vào cho trọn bài. Quả nhiều khi nhìn thấy thơ của Thường Kiên, Triệu Kiên đã viết thêm vào hai câu, trở thành một bài thơ rất hay. Nhưng do ý thơ của Triệu Hổ vượt trội hơn nhiều so với thơ của Thường

Kiên, cho nên, người ta mới gọi lỗi làm lấy thơ kém để dẫn ra thơ hay này là “Phao chuyên dẫn ngọc”.

Hiện nay người ta vẫn dùng câu thành ngữ này để ví với việc dùng lý giải thô thiện hoặc văn tự không thành thực của mình để dẫn ra cao kiến và giai tác của người khác.

Phi kinh trảm cức

Chữ “Kinh” và chữ “Cức” ở đây là chỉ bụi gai. Còn chữ “Trảm” là chặt đứt. Vậy câu thành ngữ này có ý là chặt đứt bụi gai. Nói một cách nôm na là “Đạp bằng chồng gai”.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Hậu Hán Thư – truyện Phùng Dị”.

Lưu Tú - nhà vua dựng nước Đông Hán, khi mới khởi binh quân lính rất ít ỏi,

điều kiện sinh hoạt cũng hết sức tồi tệ. Do đó có rất nhiều người không chịu nổi điều rời ông ra đi. Duy chỉ có chủ bộ Phùng Dị là vẫn một mực theo ông, không hề tỏ ra có chút giao động trước điều kiện sống kham khổ.

Có một lần, khi Lưu Tú dẫn quân đi qua Vu Uy Đình ở Nhiêu Âm tỉnh Hà Bắc, do hành quân đường trường, lại vừa đói vừa rét, nhiều binh sĩ không tài nào chịu được. Phùng Dị bèn tìm cách nấu cháo đồ cho mọi người ăn cho ấm người. Một lần khác, khi đại quân đến huyện Nam Cung thì trời nổi cơn mưa gió, đám binh sĩ ướt như chuột lột, rét run cầm cập. Cũng chính vào lúc khó khăn này, Phùng Dị đã tìm cách nhóm lửa lên, rồi nấu lúa mạch cho mọi người ăn. Lưu Tú có ấn tượng rất tốt đối với vị chủ bộ đã tận tụy giải quyết

công việc khi mình gặp khó khăn này.

Năm 25 công nguyên, Phùng Di lại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bình định Quan Trung. Lúc này, có một số tiểu nhân viết thư khuyên Lưu Tú nên đề phong Phùng Di. Lưu Tú không tin và đem bức thư cho Phùng Di xem. Năm 30 công nguyên, khi Phùng Di đến triều kiến vua Quang Vũ Lưu Tú, Lưu Tú mới nói với các đại thần rằng: “Phùng Di là chủ bộ khi ta mới khởi binh, ông ta đã loại trừ mọi trướng ngại, khắc phục nhiều khó khăn trên con đường đầy gai góc giúp trăm lập nên nghiệp lớn, về sau lại vì trăm bình định được Quan Trung”.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví với việc loại trừ mọi chướng ngại và khắc phục muôn vàn khó khăn trên con đường tiến lên và lập

nghiệp.

Phụ kinh thỉnh tội

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Truyện Liêm Pha và Lạn Tương Như”.

Truyện xảy ra tại nước Triệu thời Chiến quốc. Hai nhân vật trong truyện này là võ tướng Liêm Pha và văn quan Lạn Tương Như.

Do Lạn Tương Như có công trong việc giao thiệp với nước Tần, nên được Triệu Huệ Văn vương phong làm thượng khanh, là chức tước cao hơn chức của Liêm Pha. Liêm Pha rất bất mãn trước việc này, cho rằng mình có công lao hiển hách, còn Lạn Tương Như có công cán gì mà cũng ngồi trên đầu mình. Liêm Pha còn thề sẽ kiếm dịp sỉ nhục Lạn Tương Như.

Lạn Tương Như vốn biết việc này

nhưng cũng chẳng đề bụng, mà làm việc gì cũng hết sức thận trọng và cố né tránh gặp mặt Liêm Pha, ngay đến việc ra châu vua cũng thác bệnh không đến.

Một hôm, Lạn Tương Như đang trên đường đi làm việc thì thấy xe của Liêm Pha từ phía trước đi tới, bèn bảo các thủ hạ của mình hãy đứng dẹp sang một bên nhường lối cho xe của Liêm Pha đi. Những người này thấy vậy vô cùng tức giận, Lạn Tương Như mới giải thích rằng: “Sở dĩ nước Tần không dám động tới nước Triệu ta, là vì nước Triệu có tôi và tướng quân Liêm Pha. Nếu hai chúng tôi gây mâu thuẫn và lục đục với nhau, thì nước Tần ắt sẽ thừa cơ xâm lấn nước Triệu ngay”. Các thủ hạ nghe xong đều cảm động trước lời nói của Lạn Tương Như, họ chủ động xin lỗi những người theo hầu Liêm Pha, rồi đứng

đẹp sang một bên nhường lỗi.

Liêm Pha biết được việc này rất xúc động trước tấm lòng vì nghĩa cả của Lạn Tương Như và cảm thấy rất hổ thẹn trước thái độ nhỏ nhen, tị nạnh của mình, bèn cởi trần rồi cài một cành mạn gai sau lưng sang nhà Lạn Tương Như xin lỗi.

Quyên thô trùng lai

Hai chữ “Quyên thô” ở đây là chỉ có rất đông người cưỡi ngựa đang phi nước đại. Ý của câu thành ngữ này là chỉ, sau khi đã thất bại thì tập trung lực lượng đánh lại lần nữa.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ: “Đề Ô Giang đình” của Đỗ Mục triều nhà Đường.

Sau khi triều nhà Tần bị diệt vong, Hạng Vũ và Lưu Bang tranh giành nhau

làm bá chủ thiên hạ, mà sử sách gọi là “Cuộc giành đất giữa Sở Hán”. Bảy giờ, do Hạng Vũ và người chú tên là Hạng Lương đã tổ chức một toán quân rất tinh nhuệ và đáng tin cậy gồm hơn 8 nghìn đệ tử ở vùng Ngô Trung, tức Huyện Ngô, tỉnh Giang Tô ngày nay. Tám nghìn tinh binh này rất anh dũng thiện chiến, rồi dần dần phát triển thành một đội quân lớn mạnh.

Tình hình lúc bảy giờ rất có lợi cho Hạng Vũ, thế nhưng do Hạng Vũ quá chuyên quyền độc đoán, lại kiêu ngạo khinh địch, cuối cùng bị sa vào cạm bẫy của Hàn Tín đại tướng của Lưu Bang ở Cai Hạ, bị thất bại chỉ còn lại 8 nghìn lính Giang Đông. Hạng Vũ dẫn quân phá vây, chạy đến sông Ô Giang. Bảy giờ, phía trước có sông ngăn lối, đằng sau có quân địch đuổi theo, tình hình vô cùng nguy

ngập. Người trưởng đình Ô Giang nói với Hạng Vũ rằng: “Giang Đông tuy hẹp, nhưng cũng là đất rộng nghìn dặm, vẫn có thể xưng chúa tại đây, bây giờ tôi dùng thuyền đưa ông qua sông, thì quân nhà Hán cũng chẳng có cách nào”..

Nhưng Hạng Vũ từ chối rằng: “Đây cũng là trời muốn giết tôi, tôi làm sao có thể qua sông chạy trốn. Hơn nữa, tôi dẫn 8 nghìn lính Giang Đông qua sông đánh sang phía tây, nay chỉ một mình tôi trở về, thì còn mặt mũi nào nhìn các phụ lão Giang Đông”.

Hạng Vũ nói xong bèn tặng con ngựa Ô Truy của mình cho trưởng đình, sau khi chém chết mấy chục tên quân nhà Hán, rồi nhảy xuống sông tự tử, bấy giờ Hạng Vũ mới có 31 tuổi.

Về sau, khi nhà thơ Đỗ Mục triều nhà

Đường đến bờ sông Ô Giang, ông tiếc thay cho Hạng Vũ, vì ông cho rằng, nếu Hạng Vũ chịu lên thuyền qua sông thì tất có ngày đánh trở lại. Ông đã đề một bài thơ trên đình Ô Giang trong có hai câu: Giang Đông tử đệ đa tài tuấn. Quyền thô trùng lai vị khả tri.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu: “Quyền thô trùng lai”, để chỉ hiện tượng làm lại sự việc mà lần trước đã bị thất bại.

Tân Tân chi hảo

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Tả truyện – Hy Công năm 23”.

Thời Xuân Thu, nhằm tăng cường mối quan hệ láng giềng tốt đẹp với nước Tân, Tấn Hiến Công đã đem con gái của mình gả cho Tân Mục Công. Về sau, Tấn Hiến

Công khi tuổi về già rất ân sủng Hoàng phi Ly Cơ, bức chết Thái tử Thân Sinh. Ly Cơ lại còn muốn bức hại hai vị công tử là Di Ngô và Trọng Nhĩ, khiến hai người đành phải trốn khỏi nước Tấn. Sau khi Tấn Hiến Công qua đời, con trai của Ly Cơ lên làm vua, nhưng ít lâu sau bị hai vị đại phu trung thành với công tử Di Ngô giết chết. Họ còn cử người đi đón công tử Di Ngô đang sống lưu vong ở nước Lương về làm vua.

Công tử Di Ngô được Tần Mục Công cử quân hộ tống trở về nước Tấn. Một năm sau, nước Tấn xảy ra nạn đói phải cầu cứu với nước Tần, được Tần Mục Công giúp cho khá nhiều lương thực. Nhưng mặc dù nước Tấn nhiều lần nuốt lời hứa và nói nước Tần những lời dị nghị, Tần Mục Công vẫn rất khoan dung độ lượng, giữ

môi bang giao với nước Tần.

Bây giờ, công tử Trọng Nhĩ đang sống lưu vong tại các nước chư hầu, cuối cùng lưu lạc đến nước Tần. Tần Mục Công rất mến mộ và gả Công chúa Hoài Doanh cho chàng. Công chúa Hoài Doanh thấy Trọng Nhĩ rất coi thường mình liền nói: “Hai nước Tần Tấn địa vị ngang nhau, tại sao chàng lại khinh rẻ tôi?”. Trọng Nhĩ biết mình đã sai, bèn lập tức xin lỗi nàng.

Về sau, Tần Mục Công cử người hộ tống Trọng Nhĩ về nước. Cuối cùng Trọng Nhĩ trở thành vua nước Tấn, rồi cũng cho con trai mình lấy con gái vua nước Tần làm vợ. Hai cha con đều thông gia với nước Tần.

Câu thành ngữ này vốn nói về hai nước thông gia hữu hảo. Nhưng ngày nay người ta vẫn thường dùng nó để chỉ về hôn nhân

nam nữ.

Thân thù thù khoái

Ý của câu thành ngữ này là chỉ việc làm khiến người thân đau lòng, kẻ thù địch hả hê.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Hậu Hán thư – truyện Chu Phù”.

Vào những năm đầu triều Đông Hán, sau khi Quang Võ Đế Lưu Tú lên ngôi, đã ban thưởng cho các đại thần có công, duy chỉ có Bành Bàng tuy cũng là một đại thần có công nhưng không được nhà vua ban thưởng. Bành Bàng nguyên là thái thú Ngự Dương, từng xuất binh giúp Lưu Tú bình định được cuộc nổi loạn của Vương Lang. Nhưng sau khi Quang Võ Đế lên ngôi, Bành Bàng vẫn chỉ giữ nguyên chức vụ cũ, nên ông rất bất bình trước việc này.

Bây giờ, Ngư Dương thuộc quyền cai quản của U Châu mục Chu Phù. Chu Phù từng ra lệnh trưng thu tiền nong và lương thực tại Ngư Dương, nhưng Bành Bàng cậy mình có công, nên đã từ chối yêu cầu này của Chu Phù, đồng thời còn nói ra nhiều lời oán trách. Chu Phù vô cùng tức giận, sự mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trở nên gay gắt.

Ít lâu sau. Chu Phù đem việc này ngầm mách với Quang Võ Đế, nói Bành Bàng có mưu đồ bất chính và mưu làm phản. Nhà vua nghe vậy bèn triệu Bành Bàng vào kinh. Bành Bàng tỏ ra vô cùng lo ngại, chỉ sợ Quang Võ Đế trừng trị mình. Người vợ thấy vậy bèn khuyên ông không nên vào kinh, mà phải tự lập đôi chọi với triều đình. Bành Bàng nghe theo, ông đã từ chối vào kinh và xuất 20 nghìn quân tiến đánh

Chu Phù. Chu Phù viết thư khuyên ông rằng: “Nay nhà nước vừa mới tạm yên ổn, chúng ta đều đang dốc sức xây dựng cơ nghiệp, có sao ông lại tự mình làm những việc bạo ngược. Ông nên biết rằng, phạm việc gì cũng đừng nên khiến người thân đau lòng, khiến kẻ thù hả hê”. Nhưng Bành Bàng không nghe theo lời khuyên này, vẫn một mực xuất binh đánh chiếm được Kế Thành. Sau đó, Bành Bàng tự xưng là Yên Vương, quyền thế từng một thời trở nên lớn mạnh, nhưng do ông không được lòng người, cuối cùng đã bị thất bại, dẫn tới một kết cục bi thảm.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví với việc làm khiến bè bạn và người thân đau lòng, khiến kẻ thù vui mừng.

Thất phu chi dũng

Hai chữ “Thất phu” ở đây là chỉ người vô học thức và không có mưu trí. Ý của câu thành ngữ này là chỉ người kém mưu trí, chỉ biết dựa vào chút dũng khí của mình mà làm bừa.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Quốc ngữ - Việt ngữ thượng”.

Thời Xuân Thu, Việt vương Câu Tiễn bị Ngô vương Phu Sai đánh bại, ông bị giam cầm trong ba năm trải qua nhiều trắc trở. Sau khi về nước, ông treo mật nếm vị đắng, nuôi trí lớn quyết tâm báo thù.

Nhiều năm sau, nước Việt ngày càng trở nên giàu có, binh cường tướng mạnh, các tướng sĩ nhiều lần thỉnh mệnh với Câu Tiễn rằng: “Tâu bệ hạ, dân nước Việt kính yêu vua có khác nào vua kính yêu cha mẹ mình. Hiện nay, đã đến lúc con trai báo thù

cho cha mẹ, thân tử báo thù cho nhà vua. Xin bệ hạ hãy ra lệnh, chúng tôi nguyện một trận tử chiến với nước Ngô”.

Câu Tiễn nhận lời thỉnh cầu của các tướng sĩ, vua tập hợp quân lại rồi bày tỏ quyết tâm của mình trước các tướng sĩ rằng: “Ta nghe nói, những nhà vua tài giỏi xưa nay đều không hề tỏ ra nao núng khi mình có ít quân, họ chỉ lo các binh sĩ của mình thiếu tinh thần tự lập tự cường mà thôi. Ta không mong các người kém mưu trí trong khi tác chiến, nếu chỉ dựa vào lòng dũng của cá nhân thì ắt bị thất bại. Ta chỉ mong các người vận dụng mưu trí tác chiến, phối hợp nhịp nhàng với nhau, sát cánh bên nhau. Khi tiến lên thì hãy nghĩ mình sẽ được trọng thưởng, còn nếu rút lui thì sẽ bị xử phạt. Chỉ có như vậy thì mới có thể đánh bại kẻ thù và được phong

thường. Tiên mà không nghe lệnh, lui mà không biết nhục thì tất bị trừng phạt”.

Khi xuất quân, người nước Việt đều lấy lời nói của Việt vương để cổ vũ nhau. Toàn thể tướng sĩ với trí khí hiên ngang, cuối cùng đã đánh bại Ngô vương Phu Sai, diệt được nước Ngô.

Hiện nay người ta vẫn thường câu thành ngữ này để ví với người “hữu dũng vô mưu”.

Thanh vân trực thượng

Hai chữ “Thanh Vân” ở đây là chỉ bầu trời. Câu thành ngữ này là ví về người cực kỳ thuận lợi và nhanh chóng được thăng quyền cao chức trọng.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Phạm Thư Sái Trạch liệt truyện”.

Thời Chiến quốc, nước Ngụy có một

người tài ba xuất chúng tên là Phạm Thù, nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên ông đành phải làm người phục dịch cho trung đại phu Tuy Giả.

Một hôm, Tuy Giả theo lệnh vua Ngụy đi sứ nước Tề, cũng cho Phạm Thù cùng đi theo. Tề Tương Vương vô cùng khâm phục tài ăn nói của Phạm Thù, bèn ra lệnh thưởng vàng và ban rượu cho ông. Nhưng việc này lại khiến Tuy Giả lắm tưởng Phạm Thù làm điều gì mờ ám có hại cho nước Ngụy, nên mới đem việc này bẩm báo với Thừa tướng Ngụy Tề. Ngụy Tề vô cùng tức giận, đánh cho Phạm Thù một trận như tử. Sau đó Phạm Thù giả chết mới trốn sang nước Tần và đổi tên là Trương Lộc.

Phạm Thù dựa vào sự tài ba xuất chúng của mình đã nhanh chóng gây được

sự mến mộ của Tần Chiêu Vương, và đề bạt ông lên làm chức Thừa tướng nước Tần. Bấy giờ, nước Ngụy được tin nước Tần đang chuẩn bị tấn công hai nước Hàn và Ngụy, vua Ngụy liền cử Tuy Giả đi sứ nước Tần để cầu hòa. Sau khi biết được việc này, Phạm Thư ngầm quyết định sẽ báo thù Tuy Giả. Ông liền thay một bộ quần áo rách rưới đến gặp Tuy Giả. Tuy Giả thấy vậy rất thương ông và tặng cho ông một chiếc áo bào.

Ông bèn cố ý nói sẽ dẫn Tuy Giả đến gặp Thừa tướng Trương Lộc. Sau khi đến phủ Thừa tướng, Tuy Giả mới biết Thừa tướng Trương Lộc nắm vững quyền hành quan trọng của nước Tần lại chính là Phạm Thư. Tuy Giả vội vàng cúi đầu nhận lỗi và nói: “Tôi thật không ngờ ông lại “Thanh vân trực thượng” đến như vậy. Từ nay về

sau, tôi thật không dám bàn luận sách thiên hạ, cũng không dám hỏi đến việc chính trị nữa. Tôi là kẻ có tội, xin ông hãy trừng phạt tôi”.

Phạm Thu nêu ra ba tội danh của Tuy Gia, nhưng lại nghĩ ông ta đã tặng mình chiếc áo bào, cũng còn là người có tình có nghĩa, nên cuối cùng đã tha thứ cho Tuy Gia.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví với người được thăng chức nhanh chóng và thuận lợi.

Thiên quân nhất phát

Chữ “Quân” ở đây là một đơn vị trọng lượng thời cổ, một quân bằng 30 cân. Còn “Nhất phát” là chỉ sợi tóc. Ý của câu thành ngữ này tức là “Ngàn cân treo sợi tóc”.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Hán

thư - Truyện Mai Thặng”.

Mai Thặng nhà văn nổi tiếng thời Tây Hán là một người rất có tài về văn chương và giỏi nghề viết lách. Khi ông làm Lang trung lệnh cho Ngô vương Lưu Bì, thì cũng chính là lúc Lưu Bì đang muốn khởi binh làm phản, Mai Thặng thấy vậy mới khuyên rằng: “Đây là việc khác nào vật nặng ngàn cân treo trên đầu sợi tóc, đằng trên thì treo rất cao nhìn không thấu, còn phía dưới là vực sâu không đáy. Cảnh ngộ này dầu người đàn độn đến mấy cũng biết là rất nguy hiểm. Nếu bên trên mà bị đứt, phía dưới lại không có gì hứng đỡ thì chẳng phải tan xương nát thịt sao? Nay ông muốn khởi binh làm phản, lật đổ ách thống trị của triều đình nhà Hán, thì có khác nào mỗi nguy hiểm như vật nặng ngàn cân treo trên đầu sợi tóc, chỉ trong chớp mắt là sẽ

rơi xuống vực thẳm, suốt đời không thể nào ngóc đầu lên được, vậy xin chúa công hãy cân nhắc kỹ lưỡng, chớ nên tùy tiện làm bừa, mà chuốc lấy mỗi nguy hại cho tính mạng và tiền đồ của mình”. Nhưng Lưu Bì không nghe theo lời khuyên này, vẫn một mực ngấm ngấm chiêu binh mãi mã, chờ đợi thời cơ khởi binh làm phản.

Mai Thặng thấy Lưu Bì không chịu nghe theo lời khuyên của mình thì vô cùng chán nản, để tránh bị liên lụy nên ông vội rời khỏi nước Ngô, đến nước Lương làm môn khách cho Lương Hiếu Vương. Mãi tới thời Hán Cảnh Đế, Ngô vương Lưu Bì đã tụ tập được lực lượng của 6 nước chư hầu cùng khởi binh làm phản. Nhưng do việc làm của họ trái với lòng dân, không được nhân dân ủng hộ nên cuối cùng đã bị thất bại. Ngô vương Lưu Bì đành phải lánh

nạn sang nước khác.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để miêu tả về tình hình hết sức nguy cấp.

Thiên tái nan phùng

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Hàn Xương Lê toàn tập - Triều Châu Thứ Sử tạ thượng biểu”.

Hàn Dũ nhà văn đời nhà Đường từ nhỏ cha mẹ mất sớm, được người chị dâu nuôi dạy khôn lớn. Ông là người chịu khó học hành, từ thời trẻ đã là người hiểu nhiều biết rộng, có cơ sở vững chắc về văn học. Năm 30 tuổi ông đến kinh thành nhậm chức Thạc sĩ Quốc Tử Giám, sau đó lại làm Thị Lang bộ hình. Bảy giờ, Phật giáo phát triển rất thịnh hành, vua Đường Hiến Tông cũng là một tín đồ ngoan đạo. Khi vua nghe nói

trong chùa có đặt xá lợi của Phật tổ Thích Ca Mâu Ni, bèn tổ chức một đội ngũ rầm rộ định rước xá lợi vào cung. Hàn Dũ rất bất bình trước việc này, mới viết một bài “Luận Phật cốt biểu” dâng lên khuyên nhà vua không nên tin tưởng vào Phật giáo, còn nói sau khi Phật giáo được truyền vào TQ, các đời vua nắm quyền đều không được dài lâu. Vua Đường Hiến Tông xem xong biểu liền nổi cơn lôi đình, cho rằng Hàn Dũ nói bóng nói rõ mình là người chết non, bèn ban ông tội chết. Nhưng may nhờ có Thừa tướng đứng ra bảo lãnh, nên Hà Dũ mới bảo toàn được tính mạng, chỉ bị giáng chức xuống Triều Châu. Đến thời kỳ cuối vua Đường Hiến Tông đã thực hiện một loạt cải cách. Nhằm vào tình hình này, Hàn Dũ lại viết “Triều Châu thứ sử tạ thượng biểu” dâng lên, hết lời ca tụng công

đức của vua Đường Hiến Tông. Ông lại lần nữa được tin nhiệm và điều về kinh thành. Trong biểu ông kiến nghị vua Đường Thái Tông đến Thái Sơn tọa thiền. Nhưng trong thời cổ chỉ có các quân vương có công trạng to lớn như vua Tần, vua Hán mới tổ chức hoạt động này. Hàn Dũ còn bày tỏ mong muốn được tham gia đại lễ phong thiền của nhà vua, cho rằng nếu không được tham gia lễ hội lớn ngàn năm có một này là một điều đáng tiếc.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để chỉ dịp may hiếm có.

Thỉnh quân nhập ung

Nguyên ý của “Thỉnh quân nhập ung” là mời chàng vào trong chum. Còn ý chính của câu thành ngữ này là chỉ: “Dùng biện pháp trị người của anh ta để trị lại anh ta”.

Nó tương tự như “Gậy ông lại đập lưng”.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Tư trị thông giám – Đường Kỷ”.

Võ Tắc Thiên thời nhà Đường là một vị nữ hoàng duy nhất trong lịch sử TQ. Nhằm giữ gìn ách thống trị của mình, bà đã giở thủ đoạn khùng bô mạnh mẽ và hậu thưởng cho người tố giác. Do đó, một số quan viên hà khắc của bà đã tìm đủ mọi cách để vu cáo cho người bất đồng chính kiến với mình, và không ngừng cải tiến dụng cụ tra tấn để tiến hành bức cung đối với phạm nhân. Trong đó, đại thần Chu Hưng và Lai Tuấn Thần là thối tha nhất.

Một hôm, có người mật báo với Võ Tắc Thiên là Chu Hưng mưu làm phản, Võ Tắc Thiên bèn cử Lai Tuấn Thần đi xử lý vụ án này và ra hạn phải giải quyết xong. Lai Tuấn Thần và Chu Hưng vốn quan hệ

mật thiết với nhau, nên cảm thấy rất khó xử. Ông suy đi tính lại mãi, cuối cùng đã nghĩ ra một kế. Ông mời Chu Hưng đến phủ mình chơi, rồi hỏi Chu Hưng có cách nào hay nhất để bức cung phạm nhân.

Chu Hưng không hề hay biết ý đồ của Lai Tuấn Thần là nhằm vào mình, bèn đắc ý nói rằng, có thể đặt sẵn một cái chum, đốt lửa ở xung quanh rồi bỏ phạm nhân vào trong chum, như vậy phạm nhân không chịu được đành phải khai ra hết. Lai Tuấn Thần bèn sai người chuẩn bị mọi thứ như Chu Hưng đã nói, sau đó trở mặt nói với Chu Hưng rằng: “Nay có người cáo ông mưu làm phản, nhà vua cử tôi xét hỏi ông, bây giờ xin mời ông vào ngồi trong chum”. Chu Hưng sợ mất hồn vía, không biết nói thế nào cho phải, đành ngoan ngoãn nhận tội.

Hiện nay, người ta vẫn hay dùng câu thành ngữ này để chỉ hiện tượng dùng cách trị người của anh ta để trị lại anh ta.

Tiền công tận khí

Ý của câu thành ngữ này là nói những công lao trước đây sẽ bị mất hết, nói một cách nôm na là công cốc.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Sử ký - Chu bản kỷ”.

Để thực hiện trí lớn thống nhất thiên hạ, Tần Chiêu Vương rất trọng dụng đại tướng Bạch Khởi. Bạch Khởi đã lần lượt đánh bại được nước Hàn và nước Ngụy, tiêu diệt gần 240 nghìn quân của hai nước này. Mấy năm sau, quân nước Tần lại thường xuyên xuất hiện và tiến sâu vào lãnh thổ của nước Hàn và nước Ngụy, chiếm lĩnh nhiều thành trì của hai nước

này.

Năm 281 công nguyên, Tần Chiêu Vương lại cử Bạch Khởi dẫn quân đánh vào đô thành Đại Lương của nước Ngụy (Tức Khai Phong tỉnh Hà Nam ngày nay). Bấy giờ, có một người tên là Tô Lệ biết được tin này mới nói với vua nước Chu là Chu Hà Vương rằng: “Nếu Quân Tần mà đánh chiếm được Đại Lương thì triều đình nhà Chu tất nguy to”.

Chu Hà Vương nghe xong vô cùng sửng sốt mới hỏi Tô Lệ nên xử trí ra sao. Tô Lệ nói là chỉ cần khuyên đại tướng Bạch Khởi không xuất binh là xong việc, Tô Lệ liền kể rằng: “Bây giờ sai người sang nói với Bạch Khởi là, ông đã phá tan được quân đội của hai nước Hàn Ngụy, giết chết được đại tướng Sư Vô của nước Ngụy, lại cướp được rất nhiều ruộng đất ở

vùng miền Bắc, chiến công vô cùng hiển hách. Hiện nay ông lại muốn đi qua nước Hàn để tiến công vào nước Ngụy, nhưng chẳng may có điều gì bất trắc thì những công trạng trước kia của ông sẽ chẳng còn nữa. Cho nên, ông hãy thối bệnh không ra trận là hơn”.

Sau khi nghe xong lời này, Bạch Khởi quả nhiên đã định chỉ hành động quân sự tấn công vào nước Ngụy.

Về sau, do Bạch Khởi có ý kiến bất hòa với vua Tần và Thừa tướng Phạm Tụy nên buộc phải tự sát.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để ví về công trạng và thành tích trước đây đều bị phế bỏ.

Tiền sự bất vong, hậu sự chi sự

Ý của câu thành ngữ này chỉ lấy việc

trước làm gương cho việc sau.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Chiến quốc sách – Triệu Sách Nhất”

Đầu thời Chiến Quốc, nước Tấn có có một vị đại phu nắm việc chính trị và binh quyền nhà nước tên là Tri Bá, ông tự xưng là bá chủ, cưỡng bức ba nước Hàn, Triệu, Ngụy cắt nhường lãnh thổ, hai nước Hàn Ngụy do sợ Tri Bá nên đành phải cắt nhường đất đai, duy chỉ có Triệu Tương Tử là không chịu làm như vậy. Tri Bá tức giận bèn liên hợp với hai nước Hàn Ngụy xuất binh tiến đánh nước Triệu.

Triệu Tương Tử làm theo mưu kế của Trương Mạnh Đàm, ngầm ngầm liên lạc với hai nước Hàn Ngụy, bất ngờ đánh úp doanh trại quân nước Tấn, bắt sống được Tri Bá.

Trương Mạnh Đàm là người có công

lớn với nước Triệu, nhưng sau đó ông lại viết đơn xin từ chức. Triệu Tương Tử cảm thấy lạ mới hỏi ông tại sao. Trương Mạnh Đàm trả lời rằng: “Tôi nghe nói, các bậc quân thần trước đây cùng nhau đánh dẹp thiên hạ, cuối cùng giành được thắng lợi là điều ta vẫn thường thấy, đây là một việc tốt đẹp. Nhưng sau khi thành công rồi, muốn khiến các bậc quân thần được bình đẳng về quyền lực, có một kết cục thỏa đáng thì làm gì có, sự việc trước kia đã như vậy, thì người đời sau nên lấy đó là gương”.

Triệu Tương Tử thấy Trương Mạnh Đàm đã nói như vậy, nên đành phải để ông ra đi.

Hiện nay, người ta vẫn trường dùng câu thành ngữ này để chỉ việc không quên bài học trước kia, có thể lấy đó làm gương

cho việc sau.

Tiền vô cổ nhân

Ý của câu thành ngữ này có nghĩa là “Xưa nay chưa người nào làm được”.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Đăng U Châu Đài Ca của Trần Tử Ngang”.

Trần Tử Ngang là một nhà văn nổi tiếng triều nhà Đường, hai mươi tư tuổi thi đỗ tiến sĩ. Ông là người có kiến thức uyên bác và có hoài bão lớn lao, từng nhiều lần dâng thư cho triều đình luận bàn về chính sự, nên được Võ Tắc Thiên rất mến mộ và được bà cử giữ chức Lân Đài Chính Tự (tức quan Tư Đồ). Ít lâu sau lại được thăng chức Hữu Thập Di. Sau đó, Trần Tử Ngang cũng từng một thời tham gia quân đội.

Năm 696 công nguyên, Võ Tắc Thiên

cử Kiến An Vương Võ Du Nghi dẫn quân sang thảo phạt Khi Tan (một dân tộc thời cổ TQ). Trần Tử Ngang lại lần nữa xin gia nhập quân đội và giữ chức tham mưu.

Kỳ thực thì Kiến An Vương không phải là người văn tài võ lược, nên nhiều lần giao chiến đều bị thất bại. Mặc dù Trần Tử Ngang đã nhiều lần bày mưu hiến kế, thậm trí xin lĩnh mười nghìn quân làm tiên phong, nhưng đều bị Võ Du Nghi gạt đi và giáng chức ông xuống làm quân tào.

Trần Tử Ngang có hoài bão nhưng không được tung hoành, trong lòng buồn bực khôn nguôi. Ông leo lên đài U Châu nước Yên, cảnh vật nơi đây khiến ông nhớ đến truyện lịch sử Yên Chiêu Vương trọng dụng đại tướng Nhạc Nghị, Yên Chiêu Vương rất mến mộ Nhạc Nghị và phong ông làm đại tướng, và giết hết những tên

nình thân đã vu oan giáng họa cho Nhạc Nghị. Trần Tử Ngang nghĩ lại việc xưa mà thương cho thân phận mình, trong bao nỗi thương cảm hỗn độn, ông đã ngân lên bài “Đăng U Châu Đài Ca” bất hủ để giải bày tâm trạng u uất, bi thương của mình. “Tiền bất kiến cổ nhân, Hậu bất kiến lai giả. Niệm thiên địa chi u u, Độc thương nhiên nhi thế hạ”.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này dẫn giải thành người và sự việc chưa từng xảy ra.

Tình bì lực tận

Chữ “Bì” ở đây là chỉ mỗi một, còn chữ “Tận” là chỉ kiệt quệ.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ bài thơ “Trâu ốm” của Lý Cương.

Lý Cương, tự Bá Kỷ, người Thiệu Vũ

(Tức Phúc Kiên ngày nay), ông là một đại thần của triều nhà Tống. Trong thời kỳ vua Tống Huy Tông tại vị, ông thi đỗ tiến sĩ, sau nhậm chức Thái thường thiếu khanh. Khi Cao Tông lên kế vị thì ông được phong làm Thừa tướng, nhưng chỉ làm được 70 ngày thì bị miễn chức. Lý Cương là người tinh tình cương trực, một lòng trung thành với nhà nước. Năm Tĩnh Khang thứ nhất, Khai Phong bị giặc Kim bao vây, Lý Cương kiên quyết phản đối ý kiến của phe đầu hàng, chủ trương chống giặc Kim, một tác đất ở biên cương cũng không nhường cho kẻ địch.

Khi giặc Kim công thành, Lý Cương đã thân chinh đốc chiến, nên tinh thần của binh sĩ càng thêm hăng hái, do quân dân kề vai sát cánh chiến đấu, nên giặc Kim đã buộc phải tháo chạy. Về sau, do phái đầu

hàng xúi giục, mà nhà vua thì u mê nên đã nhiều lần giáng chức Lý Cương. Nhưng Lý Cương vẫn luôn luôn coi sự sống còn của nhà nước và dân tộc là nhiệm vụ của mình, không hề so đo được mất. Dù đang ở trong triều đình hay nơi thôn quê dân dã, ông đều trình thư lên nhà vua bàn về kẻ lớn chống giặc Kim, ý kiến này tuy không được nhà vua áp dụng, nhưng ông vẫn không tỏ ra chán nản. Ngay đến kẻ địch nghe được tin này cũng phải nể sợ trước khí tiết hiên ngang của ông.

Lý Cương đã viết một bài thơ nhan đề “Trâu ốm”. Thơ rằng: Canh lê ngàn mẫu thực ngàn sương. Lực tận cân bì thùy phúc thương? Dẫn dắt chúng sinh giai đắc bảo. Bất từ doanh bệnh ngọa tàn dương. Đại ý là: Con trâu chăm chỉ cày hàng trăm hàng nghìn mẫu ruộng cho chủ, chủ nhân được

mùa thóc lúa đầy kho, nhưng có ai thương tình con trâu đã mệt đến không còn chút hơi sức nào? Chỉ cần dân chúng đều được no bụng, thì dù cho mệt đến không thể nào bò dậy được thì trâu cũng cam lòng. Thực ra là tác giả đã áp dụng thủ pháp vi von để nói lên hoài bão và nỗi lòng mình.

Hiện nay, người ta vẫn hay dùng câu thành ngữ: “Tinh bì lực tận” để ví về người mệt đến nỗi không còn chút hơi sức nào.

Xảo đoạt thiên công

Ý của câu thành ngữ này là chỉ việc làm của con người còn khéo léo và vượt trội hơn cả sức sáng tạo của thiên nhiên.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Tặng phóng yên hòa giả” của Triệu Mạnh Phủ triều nhà Nguyên.

Cuối thời Đông Hán, cô con gái út của Chân Dật- huyện lệnh huyện Thượng Sái là người phụ nữ có nhan sắc đẹp như tiên, theo lời thầy bói nói thì nàng sau này tất là người đại phú đại quý. Về sau, cậu công tử thứ hai của Viên Thiệu là Viên Hy rất mê mộ nhan sắc của Chân cô nương rồi cưới nàng làm vợ. Nhưng ít lâu sau, Viên Thiệu bị thất bại trong trận chiến Quan Lộ, Viên Hy cũng bị Tào Tháo giết chết. Bây giờ, vợ Viên Thiệu và Chân cô nương đều ở trong Nghiệp Thành. Khi Tào Phi con trai của Tào Tháo chiếm được Nghiệp Thành đi vào Viên phủ, tỏ ra vô cùng mê mộ sắc đẹp của Chân cô nương, bèn sai một tốp binh sĩ canh giữ chặt Viên phủ. Ít lâu sau, Tào Phi mới nói rõ với Tào Tháo, rồi cưới nàng làm vợ.

Tào Phi vô cùng chiều chuộng Chân cô

nương, nàng muốn sao được vậy. Về sau, Tào Phi phê bỏ Hán Hiến Đế, rồi tự mình kế ngôi vua, dựng nên nước Ngụy và lập Chân cô nương làm Hoàng Hậu. Bây giờ nàng đã 40 tuổi, nhưng để khiến mình càng được Tào Phi cưng chiều, nàng đã phải bỏ ra khá nhiều thời gian vào việc trang điểm chải chuốt.

Tương truyền, trong sân cung cấm có một con rắn xanh rất xinh đẹp miệng ngậm ngọc, cứ mỗi lần Hoàng hậu trang điểm chải chuốt là con rắn này đều ra khoanh cuộn tạo thành nhiều hình dạng rất kỳ diệu trước mặt Hoàng hậu. Hoàng hậu như được con rắn mách bảo, nên mỗi ngày đều uốn tóc mô phỏng theo hình con rắn. Nên mái tóc của Hoàng hậu có một nét đẹp rất tự nhiên, rất khéo léo, lại biến hóa khôn lường, khiến ai nấy nhìn thấy cũng phải

khen ngợi.

Hiện nay, người ta vẫn thường dùng câu thành ngữ này để chỉ công nghệ vô cùng cao siêu và khéo léo.

Xuất nhân đầu địa

Ý của câu thành ngữ này là cao hơn người một đầu người, cao hơn người một bậc hoặc vượt lên trên người khác.

Câu thành ngữ này có xuất xứ từ “Tống sử - Truyện Tô Thức”, Tô Thức còn gọi là Tô Đông Pha, cùng Âu Dương Tu trong truyện này đều là nhà văn triều nhà Tống.

Khi Tô Thức lên 10 tuổi thì cha đi du học xa, ở nhà chỉ có một mình mẹ là Trình Thị dạy bảo cho Tô Thức biết đọc biết viết. Đến năm 20 tuổi, Tô Thức đã hiểu sâu biết rộng, thông cổ tri kim, mới đến kinh thành tham gia khoa cử.

Bây giờ, hàn lâm tú tài Âu Dương Tu là quan chấm thi, trên văn đàn thời bấy giờ, người ta rất tôn sùng loại văn chương có phong cách quái gở và khó hiểu, Âu Dương Tu rất bất mãn trước việc này. Khi ông duyệt qua bài viết “Hình thưởng trung hậu luận” thì cảm thấy vô cùng phấn khởi và định chấm bài này đỗ bậc tú tài. Nhưng ông lại ngờ rằng bài này là của Tăng Cung học trò của ông, nên để tránh tai tiếng, ông đã phê bài này đỗ bảng nhãn.

Kỳ thực, bài văn này không phải là của Tăng Cung học trò ông, mà là của Tô Thức, tài năng xuất chúng của Tô Thức đã bắt đầu chớm nở trong cuộc thi lần này, về sau ông lại đỗ thi điện. Tô Thức rất khâm phục quan giám khảo Âu Dương Tu, sau đó đã mời ông phê duyệt hộ mấy bài viết của mình.

Âu Dương Tu sau khi biết tác giả của “Hình tượng trung hậu luận” không phải là Tăng Cung mà là Tô Thức, một người chưa hề có tên tuổi trong văn đàn, nay ông đã chót phê đề Tô Thức chỉ đồ bàng nhãn, nên ông cảm thấy vô cùng áy náy trước sự oan uổng này của Tô Thức.

Về sau, Âu Dương Tu xem qua mấy bài viết của Tô Thức, thấy bài nào cũng tràn ngập tài năng, lại càng khen ngợi không ngớt. Âu Dương Tu đã viết thư cho Mai Nghiêu Thần một danh nhân trên văn đàn thời bấy giờ rằng: “Văn chương của Tô Thức quả là tuyệt vời, tôi muốn nhường lời đề anh ta cao hơn tôi một đầu người”. Mọi người nghe vậy đều cho là Âu Dương Tu khen quá lời, nhưng sau khi họ xem qua các bài viết của Tô Thức, mới vui vẻ thành thật tin phục.

Về sau, Tô Thức được sự chỉ bảo của các nhà văn nổi tiếng trên văn đàn như Âu Dương Tu v.v, văn chương ngày càng tuyệt vời, quả nhiên “Xuất nhân đầu địa”, cao hơn người một đầu người.

Về sau, người ta dùng câu thành ngữ “Xuất nhân đầu địa” để ví về cao hơn người một bậc hoặc vượt cao hơn người khác.

HẾT